

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Phạm Minh Phương
Sinh viên thực hiện	: Dương Thị Quỳnh Anh
MSSV	: 2254010033
Khóa học	: 2022 – 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2025

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên: Dương Thị Quỳnh Anh

MSSV: 2254010033

Lớp: 22KH1

Khóa: 2022-2026

Ngành: Kế Toán

1. Tên đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt ”

2. Nội dung:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Mục tiêu: Qua việc nghiên cứu để làm rõ một số vấn đề cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nghiên cứu và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt. Trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Phương pháp thực hiện: Phương pháp nghiên cứu tham khảo tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

3. Ngày giao khóa luận: 02/03/2026

4. Ngày hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

5. Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Minh Phương

Nội dung và yêu cầu Khóa luận tốt nghiệp đã được thông qua bộ môn.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Trưởng bộ môn

(ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên hướng dẫn

(ký ghi rõ họ tên)

Sinh viên thực hiện

(ký ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.	1
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	1
1.1.1. Khái niệm bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	1
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	1
1.1.3. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.2. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	3
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	11
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	16
1.3. Kế toán hoạt động tài chính.	19
1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	19
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.	23
1.4. Kế toán hoạt động khác.	25
1.4.1. Kế toán thu nhập khác.	25
1.4.2. Kế toán chi phí khác.	29
1.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	30
1.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	31
1.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT.	38
2.1. Giới thiệu Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	38
2.1.1. Tổng quan về Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	38
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	48
2.2.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.	48
2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính.	83

2.2.3. Kế toán hoạt động khác.	88
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	101
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT.	124
3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.....	124
3.1.1. Ưu điểm của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	124
3.1.2. Nhược điểm của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	124
3.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.....	126

DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty TNHH	Công ty Tách nhiệm hữu hạn
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCDC	Công cụ dụng cụ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BNN	Bệnh nghề nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
PKT	Phiếu kế toán
KC	Kết chuyển
BCTC	Báo cáo tài chính
LNKT	Lợi nhuận kế toán
BH&CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
HMLK	Hao mòn lũy kế
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC SƠ ĐỒ	6
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp.....	9
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý.....	10
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý.....	10
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính	22
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính	25
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác	28
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác	30
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33
Sơ đồ 2.1. Tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.	41
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán.	43
Sơ đồ 2.3 Hình thức ghi sổ kế toán.	46
Sơ đồ 2.4 Hình thức ghi sổ kế toán bằng phần mềm.....	46

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm 3TSoft.....	47
Hình 2.2 Một số mặt hàng thuộc nhóm hàng hoá.	49
Hình 2.4 Giao diện xuất hoá đơn GTGT	53
Hình 2. 5 Hoá đơn GTGT đầu ra số 16.....	54
Hình 2.6 Phiếu thu PT/23/065 theo hóa đơn số 16	55
Hình 2.7 Giao diện cơ sở dữ liệu để đăng nhập vào phần mềm 3TSOFT	55
.....	56
Hình 2.8 Giao diện sử dụng nhập số liệu bán hàng lên phần mềm kế toán 3Tsoft.	56
.....	56
Hình 2. 9 Giao diện hoá đơn bán hàng trên 3TSOFT theo HĐ 16	56
Hình 2. 10 Giao diện phiếu thu tiền mặt trên 3TSOFT theo HĐ 16	57
Hình 2.11 Giao diện sổ chi tiết bán hàng trên phần mềm 3TSOF.....	61
Hình 2. 12 Phiếu xuất kho số P XK/25/045	62
Hình 2. 13 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	62
Hình 2. 14 Hoá đơn GTGT đầu vào số 84.....	67
Hình 2. 15 Hoá đơn GTGT đầu vào số 84.....	68
Hình 2.16 Phiếu chi tiền mặt PC/95/062 theo hóa đơn 84	69
Hình 2.17 Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 11.....	71
Hình 2.18 Phiếu kế toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận QLDN	72
Hình 2.19 Phiếu kế toán trích BHXH, BHYT, BHTN từ lương NLĐ.....	73
Hình 2.20 Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BTTNLĐ, BNN.....	74
Hình 2.21 Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BTTNLĐ, BNN.....	75
Hình 2.22 Hóa đơn GTGT đầu vào số 1459731.....	77
Hình 2.23 Hóa đơn GTGT đầu vào số 1459731.....	78
Hình 2.25 Giao diện phiếu chi nhập HĐ 1459731 trên phần mềm 3Tsoft.....	79
Bảng 2.8 Trích từ sổ chi tiết tài khoản TK 6421 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.....	80
Bảng 2.9 Trích từ sổ chi tiết tài khoản TK 6422 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.....	81
Hình 2.26 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 25/10/2025.....	84
Hình 2.27 Sổ phụ ngân hàng Vietcombank lãi tiền gửi ngày 25/10/202.....	85
Bảng 2.12 Trích từ sổ cái TK 515 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	87
Hình 2.28 Hóa đơn GTGT đầu vào số 2674.....	89
.....	90
Hình 2.30 Giao diện phiếu kế toán ghi nhận chiết khấu thương mại HĐ 2674	91
Hình 2.31 Sao kê ngân hàng AGRIBANK.....	95
Hình 2.32 Giấy nộp tiền nộp chậm thuế TNDN	96
Hình 2.33 Giấy nộp tiền nộp chậm thuế TNDN	97

Hình 2.34 Giao diện báo nợ nộp chậm tiền thuế TNDN trên phần mềm	98
Hình 2.35 Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	102
Hình 2.36 Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	103
Hình 2.38 Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	105
.....	107
Hình 2.39 Giao diện phiếu kế toán PKT/25/045.....	107
Hình 2.40 Giao diện bút toán khóa sổ trên phần mềm 3TSOFT.....	109
Hình 2.41 Giao diện phiếu kết chuyển doanh thu.....	110
Hình 2.42 Giao diện phiếu kết chuyển giá vốn	110
Hình 2.43 Giao diện phiếu kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	111
Hình 2.44 Giao diện phiếu kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.....	111
Hình 2.45 Giao diện phiếu kết chuyển thu nhập khác.....	112
Hình 2.46 Giao diện phiếu kết chuyển chi phí khác	112
Hình 2.47 Giao diện phiếu kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	113
Hình 2.48 Giao diện phiếu kết chuyển lãi, lỗ	113

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Các ngành nghề được đăng ký kinh doanh, bao gồm:	39
Bảng 2.2 Trích từ sổ chi tiết TK 5111 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	58
Bảng 2.3. Trích sổ cái TK 511 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	59
Bảng 2.4 Trích từ sổ chi tiết TK 6321 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ..	63
Bảng 2.5 Trích từ sổ cái TK 632 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	64
Bảng 2.6 Bảng chấm công tháng 11	70
Bảng 2.7 Bảng tính tiền lương tháng 11	70
Bảng 2.10 Trích từ sổ cái TK 642 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	82
Bảng 2.13 Trích từ sổ chi tiết TK 711 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	92
Bảng 2.14 Trích từ sổ cái TK 711 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	93
Bảng 2.15 Trích từ sổ chi tiết TK 811 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	99
Bảng 2.16 Trích từ sổ cái TK 811 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	100
Bảng 2.18 Trích từ sổ cái TK 821 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	108
Bảng 2.19 Trích từ sổ chi tiết TK 911 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 .	116
Bảng 2.20 Trích từ sổ cái tài khoản 911 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	117
Bảng 2.21 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	118
Bảng 2.22 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	119
Bảng 2.23 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	120
Bảng 2.24 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	121
Bảng 2.25 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	122
Bảng 2.26 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 ...	123

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt” là kết quả của cả một quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu nghiêm túc trong suốt thời gian theo học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Để hoàn thành đề tài này, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ quý báu từ các thầy cô, doanh nghiệp, gia đình và bạn bè.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Cô Phạm Minh Phương – giảng viên hướng dẫn, người đã luôn tận tình chỉ dẫn, định hướng nội dung và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý sâu sắc, sự kiên nhẫn và giúp đỡ của cô chính là yếu tố then chốt giúp em hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kế toán – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, những người đã truyền đạt cho em không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn là những bài học quý giá về tư duy nghề nghiệp và đạo đức trong công việc. Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và các anh/chị tại phòng Kế toán – Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt, những người đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin thực tế và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thiện tốt nội dung khóa luận.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình và bạn bè thân yêu, những người luôn đồng hành, động viên và tiếp thêm sức mạnh tinh thần để em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Dù đã nỗ lực hết mình để hoàn thành đề tài với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm cao, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm và thời gian, bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp không chỉ đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường mà còn phải nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của công ty để có thể tồn tại và phát triển bền vững. Chính vì thế mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt doanh thu, chi phí và đưa ra các quyết định quan trọng và phù hợp.

Nhận thấy được vai trò to lớn trong công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nên em đã chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt” làm nội dung nghiên cứu cho khoá luận này. Thông qua đề tài, em mong muốn phân tích thực trạng kế toán tại doanh nghiệp để từ đó tìm ra được những ưu điểm, hạn chế và đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hơn hệ thống kế toán trong lĩnh vực này. Khoá luận không chỉ là cơ hội để em hệ thống hóa những kiến thức đã học mà còn là dịp để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, từ đó nâng cao kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị tốt hơn cho công việc sau này.

Thông qua khoá luận này, em xin cảm ơn sâu sắc tới cô giáo ThS. Phạm Minh Phương- Giảng viên trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tận tình cho em ngay từ lúc bắt đầu cho đến khi hoàn thành khoá luận. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng các thầy cô giáo khoa Kinh tế, những người đã trực tiếp giảng dạy em trong quá trình học tập.

Em xin gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt và chi phòng kế toán đã tạo điều kiện tốt nhất giúp em tìm hiểu hoạt động của công ty và thu thập số liệu cần thiết liên quan đến khoá luận của mình.

Khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.1.1. Khái niệm bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

1.1.1.1. Bán hàng

- Bán hàng là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hóa. Nói khác đi, bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

+Xét về góc độ kinh tế: Quá trình bán hàng là quá trình hàng hóa của doanh nghiệp chuyển từ trạng thái vật chất (hàng) sang hình thái tiền tệ (tiền).

1.1.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Chỉ tiêu này được xác định trên cơ sở so sánh giữa tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong kỳ.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh được xác định trên kết quả về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

- Đảm bảo tính hợp pháp của các chứng từ, hợp đồng kinh tế,...chứng minh sự phát sinh của doanh thu.

- Phản ánh chính xác, kịp thời khoản doanh thu hiện có tại doanh nghiệp theo nguyên tắc cơ sở dồn tích, phù hợp và thận trọng của chế độ kế toán Việt Nam. Đồng thời theo dõi từng khoản mục doanh thu vào sổ sách kế toán.

b. Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

- Ghi chép, mở sổ chi tiết theo dõi đầy đủ các khoản chi phí phát sinh và tiến hành tập hợp, phân bổ các khoản chi phí một cách hợp lý nhất.
- Tuân thủ quy tắc chi phí phù hợp với doanh thu để tính và hạch toán chi phí cuối kỳ nhằm xác định kết quả kinh doanh.

c. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt công tác này mang lại những ý nghĩa sau:

- Đối với doanh nghiệp: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động, để đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đối với nhà nước: Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
- Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.
- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

1.2. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Khái niệm.

- Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 (VAS) Doanh thu và doanh thu thuần, trình bày các khái niệm cơ bản về doanh thu như sau:

+ Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp).

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm giảm doanh thu gộp, bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được ghi nhận để xác định doanh thu thuần, phản ánh đúng giá trị thực tế hàng hóa, dịch vụ đã bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Theo đó, các khoản giảm trừ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC gồm :

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

1.2.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

Theo điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định Nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu cụ thể như sau:

- Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

+ Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp.

+ Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể.

+ Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- + Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.
- + Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.
- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

a. Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc quyền kiểm soát hàng hóa như một chủ sở hữu.
- Doanh thu có thể được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh thu có thể được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ.
- Phần công việc đã hoàn thành đến thời điểm báo cáo được xác định đáng tin cậy.
- Có thể xác định được cả chi phí đã phát sinh và chi phí cần thiết để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.4. Phương thức bán hàng và thanh toán.

a. Các phương thức bán hàng

**** Phương thức bán hàng trực tiếp:***

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của DN. Số hàng này khi giao cho người mua thì được trả tiền ngay hoặc được chấp nhận thanh toán. Vì vậy, sản phẩm xuất bán được coi là đã bán hoàn thành.

**** Phương thức trả chậm, trả góp:***

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

**** Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:***

Là phương thức mà bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng này được coi là đã bán và bên bán đã mất quyền sở hữu về số hàng đó.

**** Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán:***

Là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên nhận đại lý, ký gửi phải bán hàng theo đúng giá bán đã quy định và được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

b. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt: theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hoá mà mình đã bán.

- Thanh toán không dùng tiền mặt: theo phương thức này, người mua có thể thanh toán bằng các loại: Chuyển khoản qua internet banking, thanh toán điện tử nhanh chóng phổ biến (Momo, VNPAY,...), thẻ tín dụng/ghi nợ qua máy POS.

- Bù trừ công nợ.

- Ủy quyền thanh toán qua bên thứ 3.

1.2.1.5. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế
- Đơn đặt hàng
- Bảng kê hàng hóa, dịch vụ
- Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

1.2.1.6. Tài khoản sử dụng.

- **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu BH&CCDV các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác. Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

+ **Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa...

+ **Tài khoản 5112- Doanh thu bán thành phẩm:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất như: Công nghiệp, nông nghiệp...

+ **Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ.

+ **Tài khoản 5118- Doanh thu khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý BĐSĐT, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

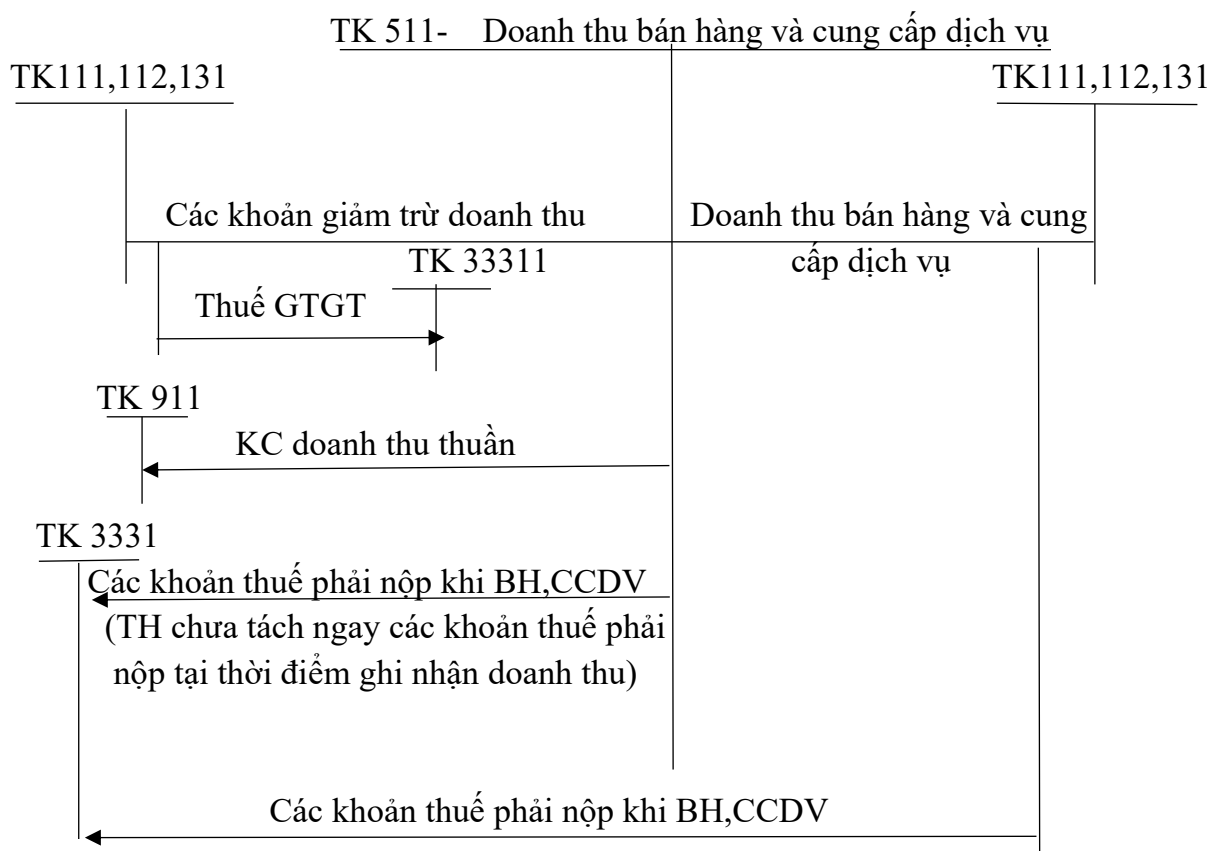
* **Kết cấu của tài khoản:**

NỢ**TK 511****CÓ**

- Các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu (XK) và thuế bảo vệ môi trường (BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

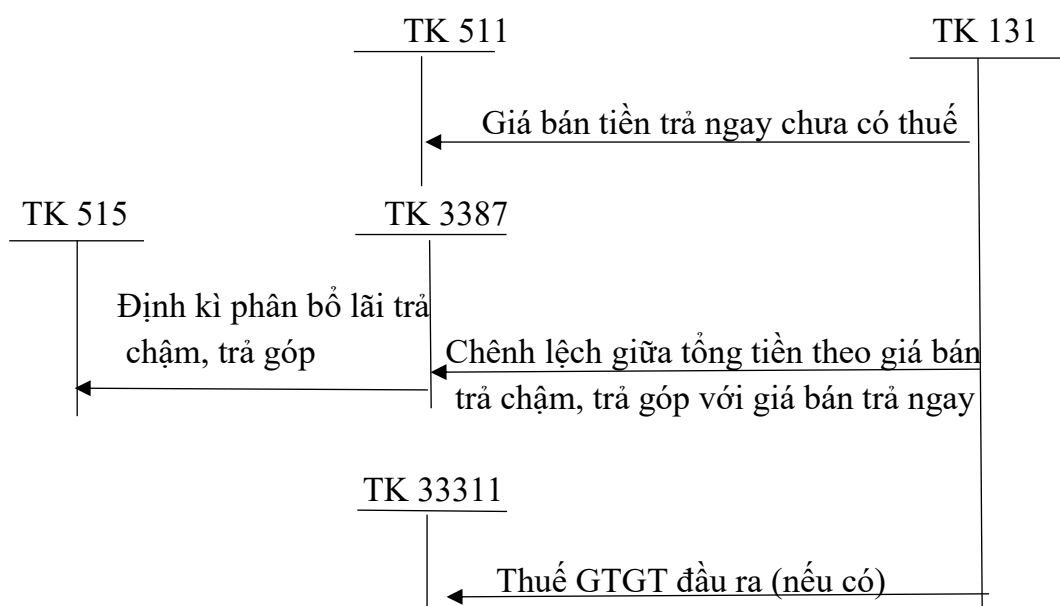
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ**1.2.1.7. Phương pháp hạch toán.*****a. Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng.***

- Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.



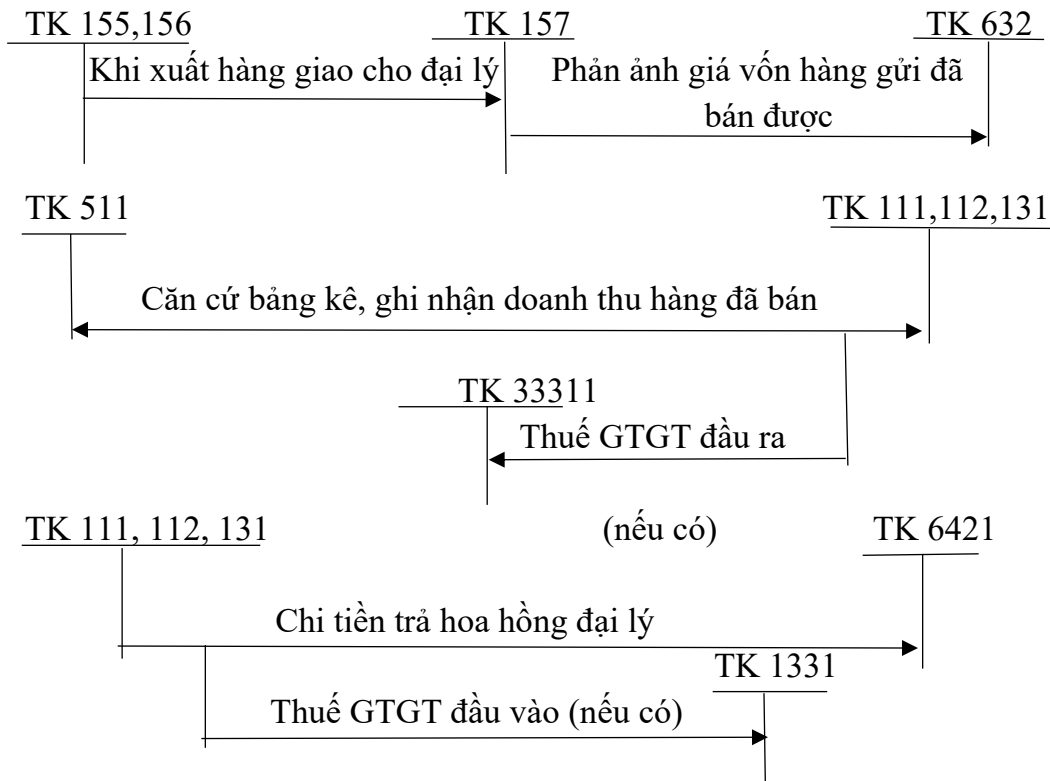
(TH tách ngay các khoản thuế phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu)

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp.

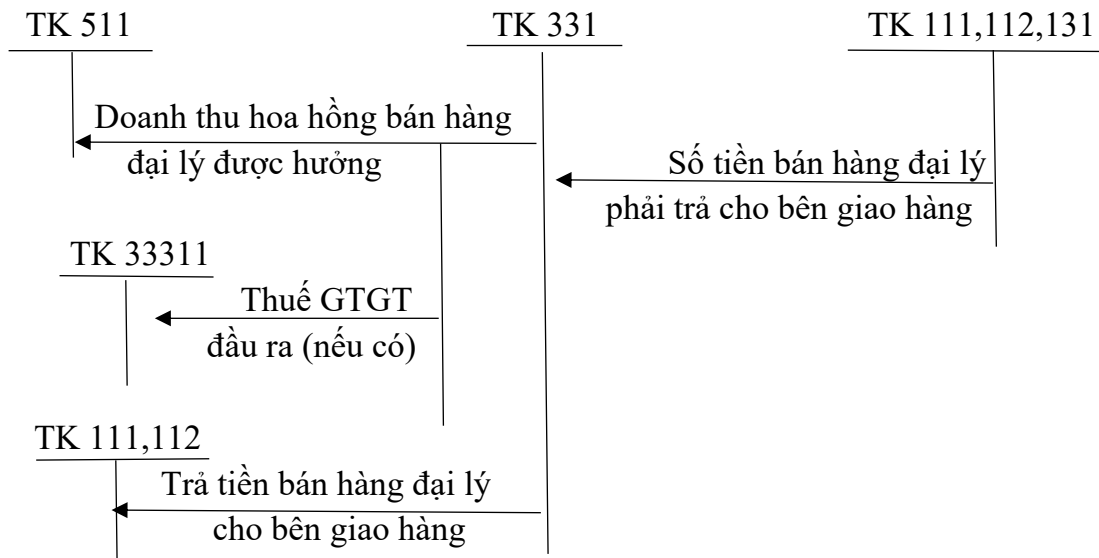


Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp

- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

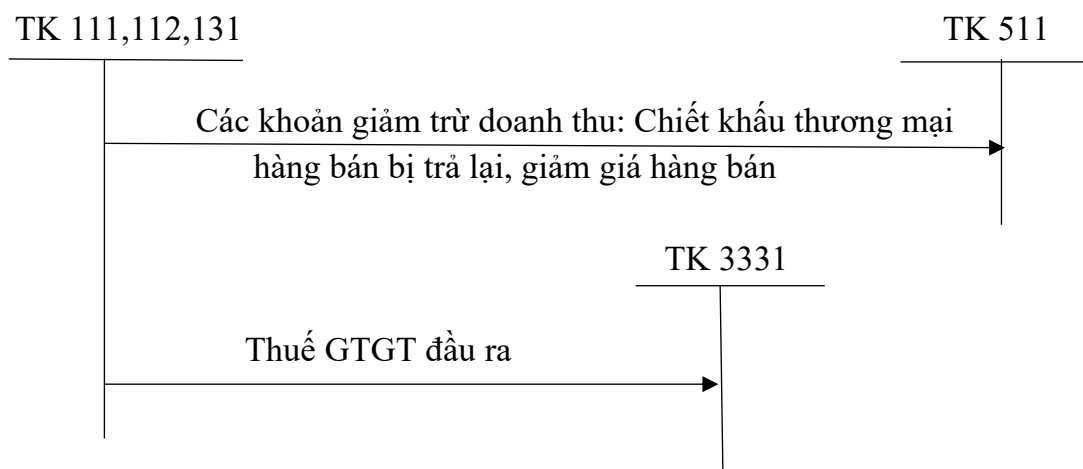


Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý



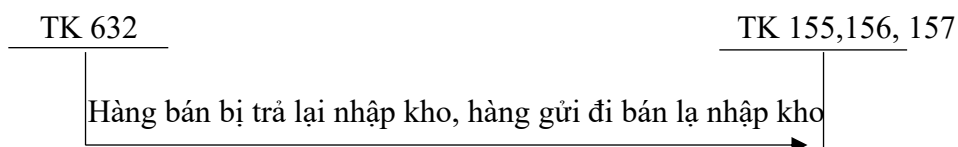
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

*** Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hóa**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Khái niệm.

- Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa được xuất bán trong kỳ.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại giá vốn hàng bán bao gồm giá trị mua của hàng và chi phí mua hàng. Hàng hóa của doanh nghiệp được nhập từ các nguồn, các đợt khác nhau. Do đó khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho số sản phẩm đã xuất bán. Sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất qua nhiều giai đoạn, từ các kỳ và đơn hàng khác nhau. Do đó, khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

1.2.2.2. Các phương pháp xác định giá vốn.

a. Phương pháp thực tế đích danh.

- Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó. Thường sử dụng phương pháp này trong các doanh nghiệp có ít loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa hoặc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

- Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng lô hàng nhập xuất. Chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng có thể nhận diện được thì mới tính giá xuất kho được theo phương pháp này.

b. Phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp bình quân dựa trên giả định rằng: giá gốc của hàng tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán trong một kỳ kế toán phản ánh giá bình quân của các lần nhập và hàng tồn kho đầu kỳ kế toán. Theo phương pháp này giá gốc sản phẩm hàng hóa xuất trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kì, bình quân thời điểm).

* Phương pháp bình quân cả kỳ

- Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại i	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$
--	---	---

* Phương pháp bình quân thời điểm

- Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá bình trong kỳ quân hàng i sau lần nhập t	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Giá trị thực tế hàng i mua và nhập lần nhập t
	= $\frac{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập t}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập t}}$		

- Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, hàng hóa tồn cuối kỳ, kế toán áp dụng công thức:

Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ	=	Giá thực tế hàng i tồn kho đầu kỳ	+	Giá thực tế hàng i nhập kho trong kỳ	-	Giá thực tế hàng i xuất kho trong kỳ
--	---	--------------------------------------	---	--	---	--

Giá thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	x	Đơn giá bình quân
------------------------------------	---	----------------------------------	---	-------------------

c. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

- Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào đơn giá mua hàng của từng lần nhập theo thứ tự, hàng nhập trước sẽ lấy đơn giá đó làm giá xuất trước nhưng phải đảm bảo mối tương quan về lượng của hàng có đơn giá đó. Vì vậy hàng tồn kho đầu kì giả định là xuất trước tiên, số hàng xuất thêm sau đó được xuất đúng thứ tự như được mua vào nhập kho. Như vậy giá mua của hàng xuất kho được tính theo giá của hàng mua vào nhập kho tại các thời điểm đầu, giá mua của hàng tồn kho cuối kì sẽ là giá mua của hàng mua vào nhập sau cùng. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho và Phiếu kế toán

1.2.2.4. Tài khoản sử dụng.

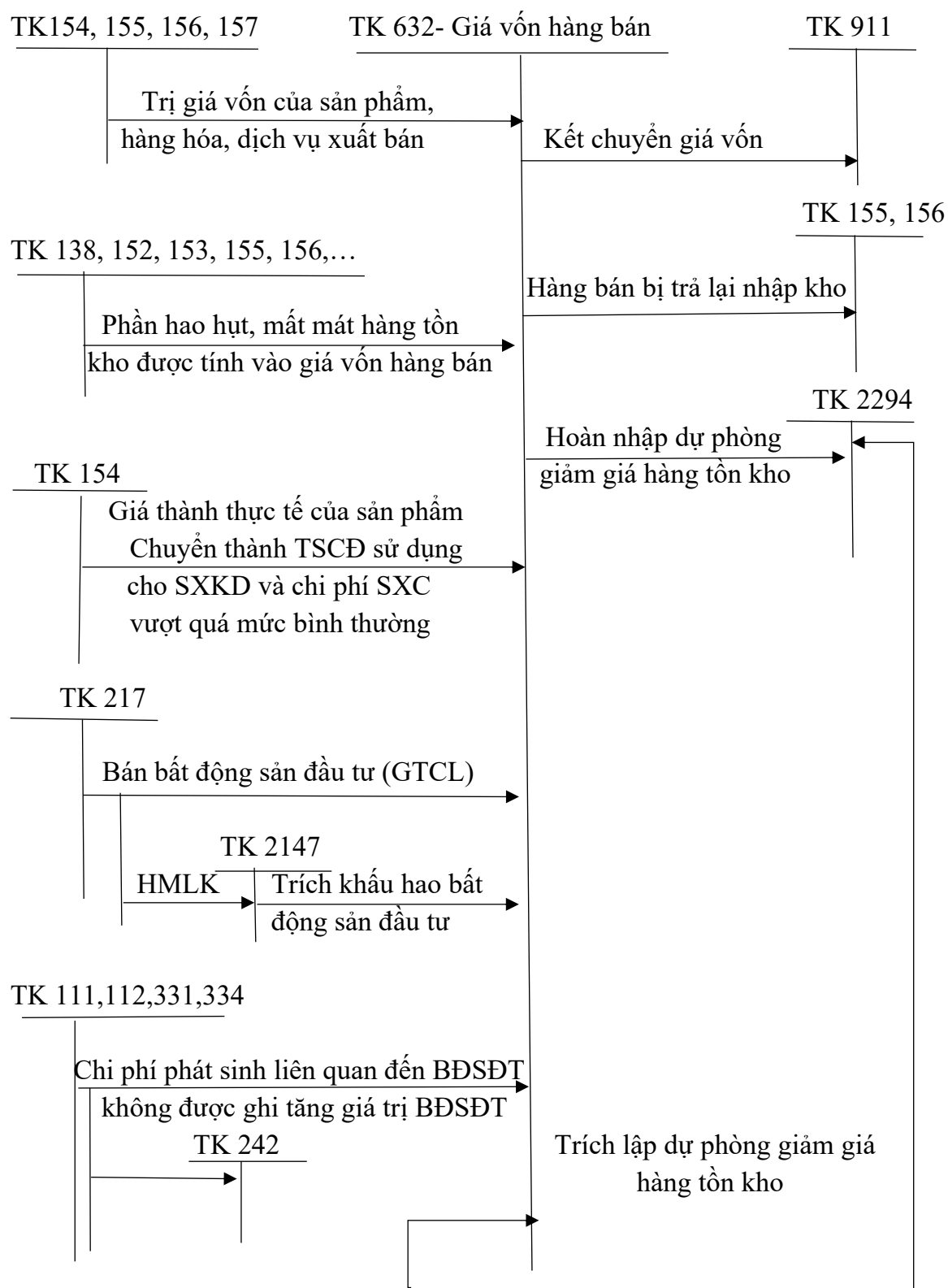
* Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 632	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản chiết khấu thương mại, giá giảm hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

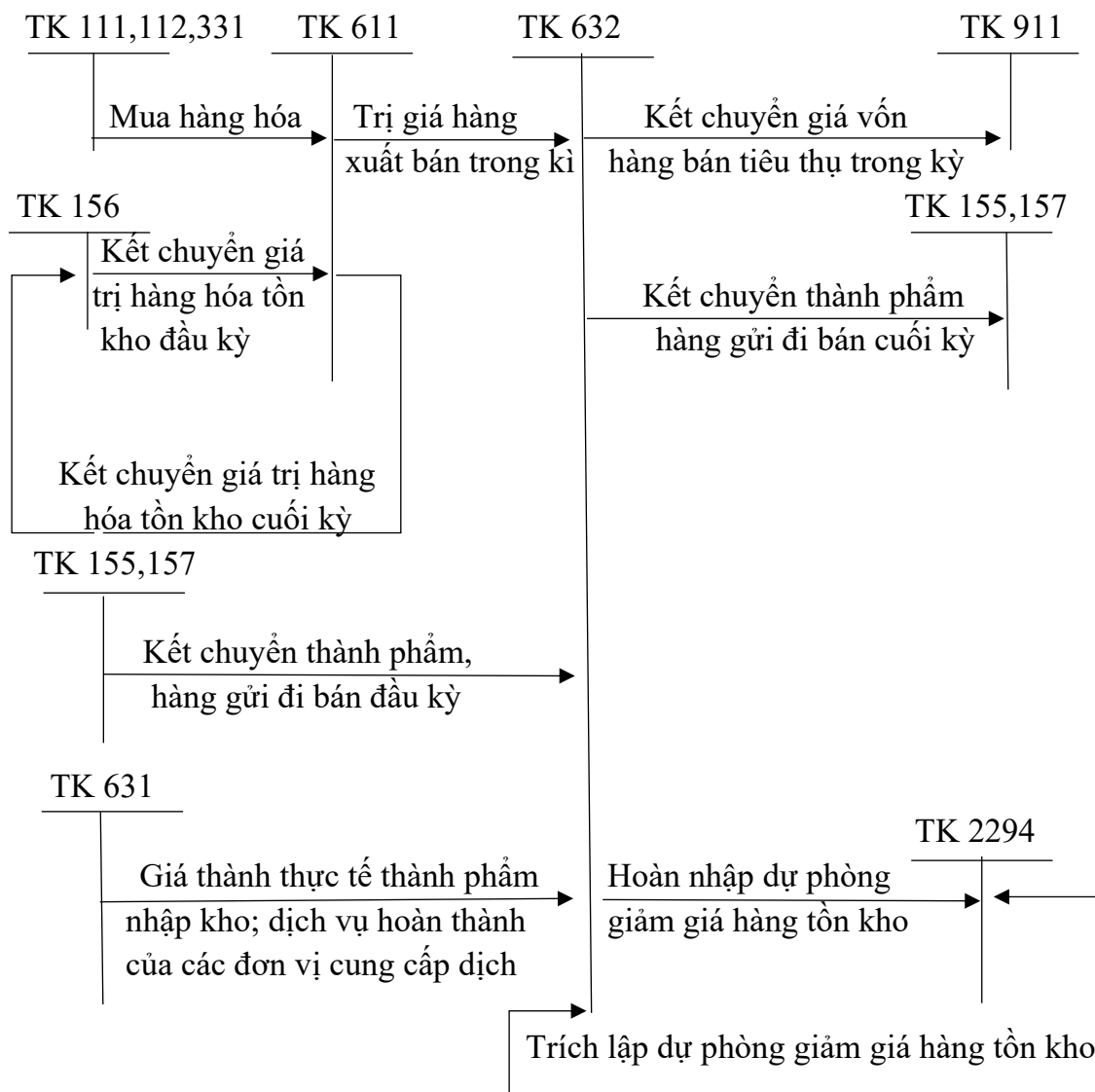
1.2.2.5. Phương pháp hạch toán

* Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

*** Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.3.1. Khái niệm.

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, là một mục quan trọng trong tờ khai thuế, khoản chi phí này làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Như chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao... Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi..

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ và tài sản cố định
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu Chi, giấy báo nợ

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

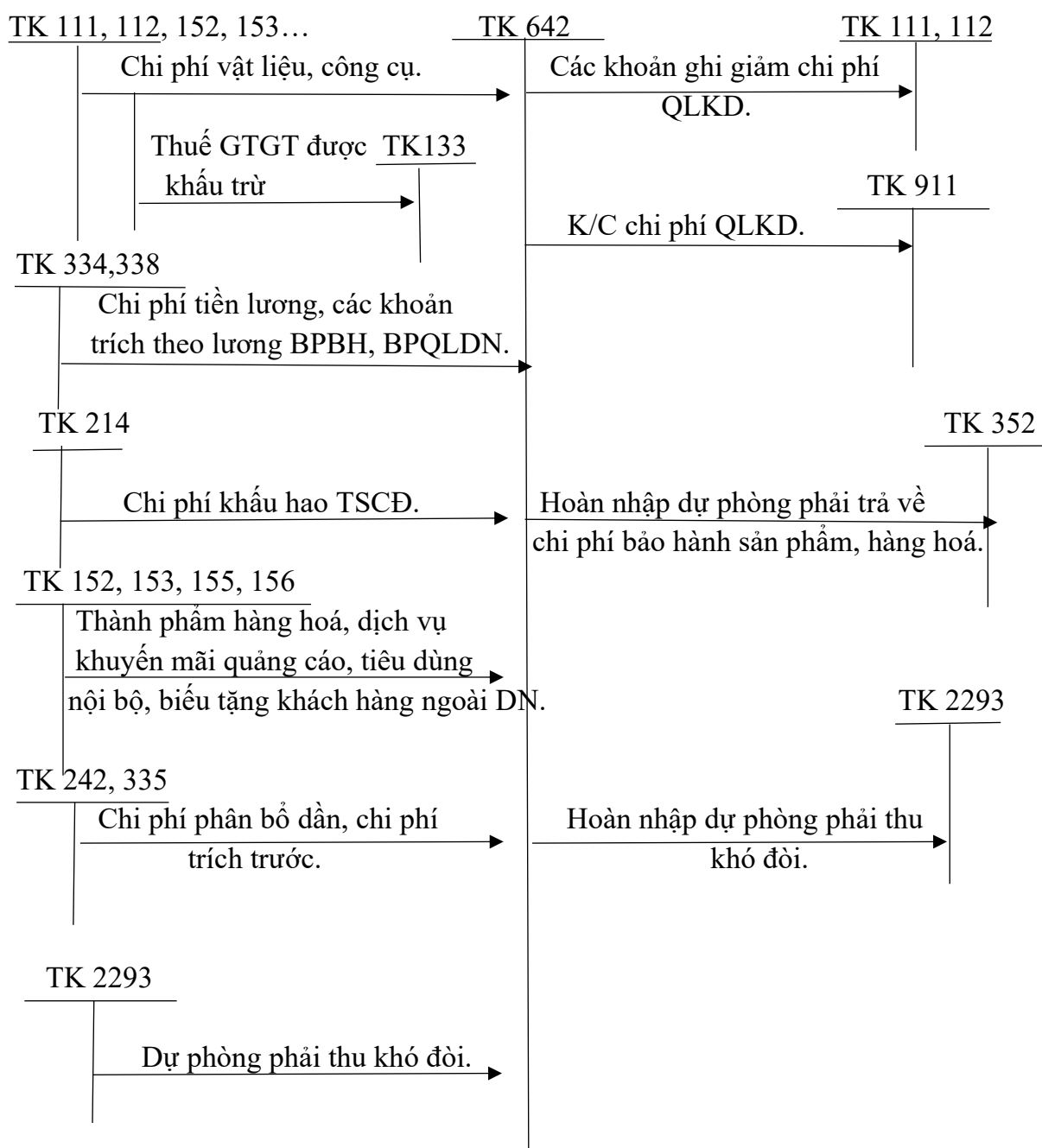
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*** Kết cấu tài khoản**

NỢ	TK 642	CÓ
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3. Kế toán hoạt động tài chính.

1.3.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.3.1.1. Khái niệm.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập. chi phí tài chính bao gồm:

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, nội bộ, biếu tặng, cho khách bên ngoài doanh nghiệp.

+ Chiết khấu thanh toán cho người mua.

+ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác..

- Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chỉ được nhận khi thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện là có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

+ Lãi tiền gửi, cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm trả góp. Lãi do bán, chuyển nhượng công cụ tài chính, đầu tư liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư liên kết, đầu tư vào Công ty con, đầu tư khác.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia.

+ Chênh lệch lãi do mua bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ.

+ Thu nhập khác liên quan đến hoạt động tài chính

1.3.1.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu tính lãi

- Giấy báo có

- Phiếu thu

- Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu kế toán

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng.

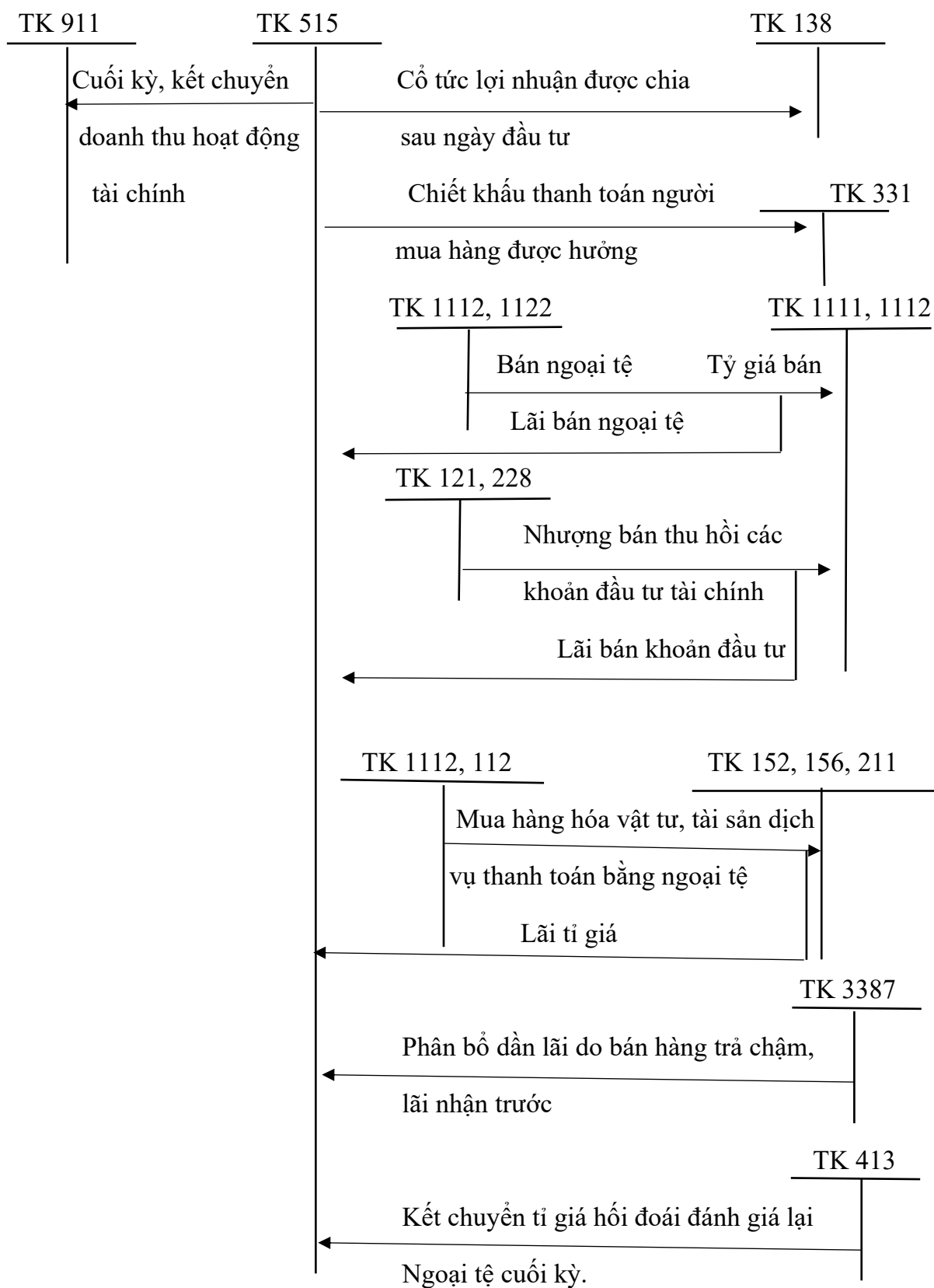
- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, lãi chứng khoán, lãi tiền gửi, lãi cho vay, tiền lãi trả chậm, cho thuê tài sản..., tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*** Kết cấu tài khoản**

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.

1.3.2.1. Khái niệm.

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. nội bộ, biếu tặng, cho khách bên ngoài doanh nghiệp.
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác..

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu tính lãi
- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu kế toán

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.

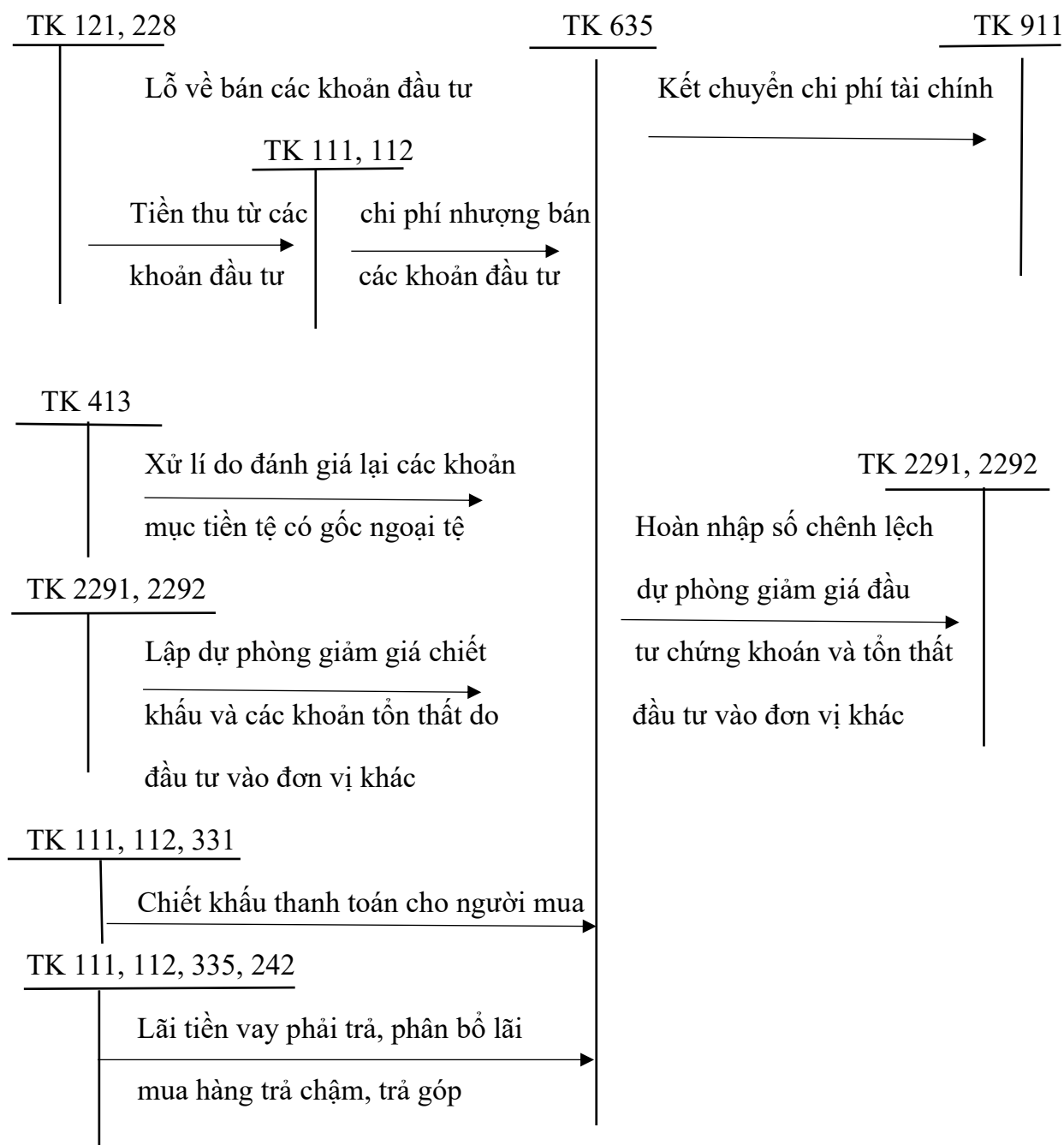
- Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

*** Kết cấu tài khoản**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
--	---

Tài khoản 635 không có dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính

1.4. Kế toán hoạt động khác.

1.4.1. Kế toán thu nhập khác.

1.4.1.1.. Khái niệm.

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng Tài sản đồng kiểm soát, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn. Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ...

1.4.1.2. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

1.4.1.3. Tài khoản sử dụng.

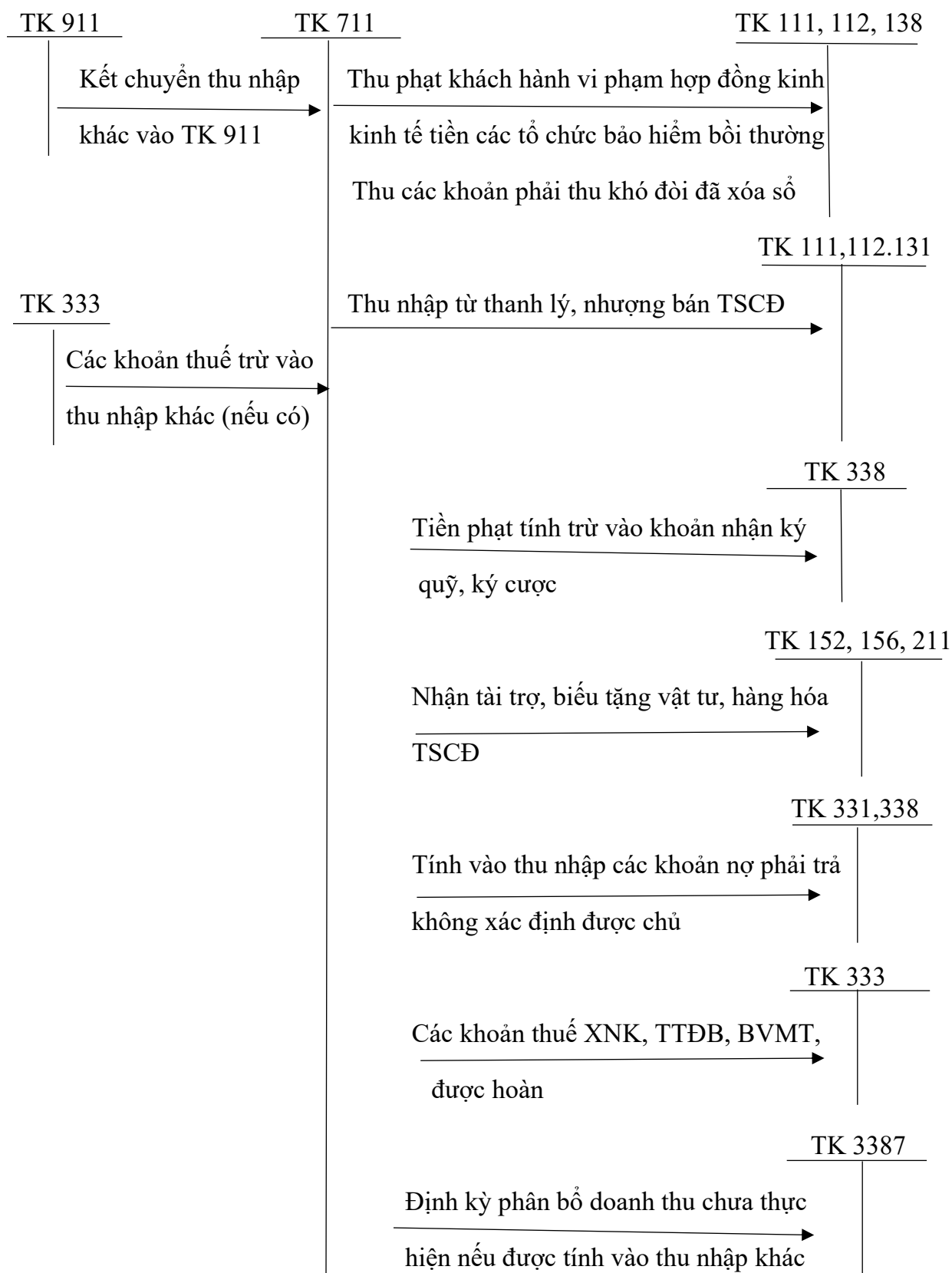
- Tài khoản 711 “Thu nhập khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

*** Kết cấu tài khoản**

NỢ	TK 711	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.4.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

1.4.2. Kế toán chi phí khác.

1.4.2.1. Khái niệm.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản khác.

1.4.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Ủy nhiệm chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt

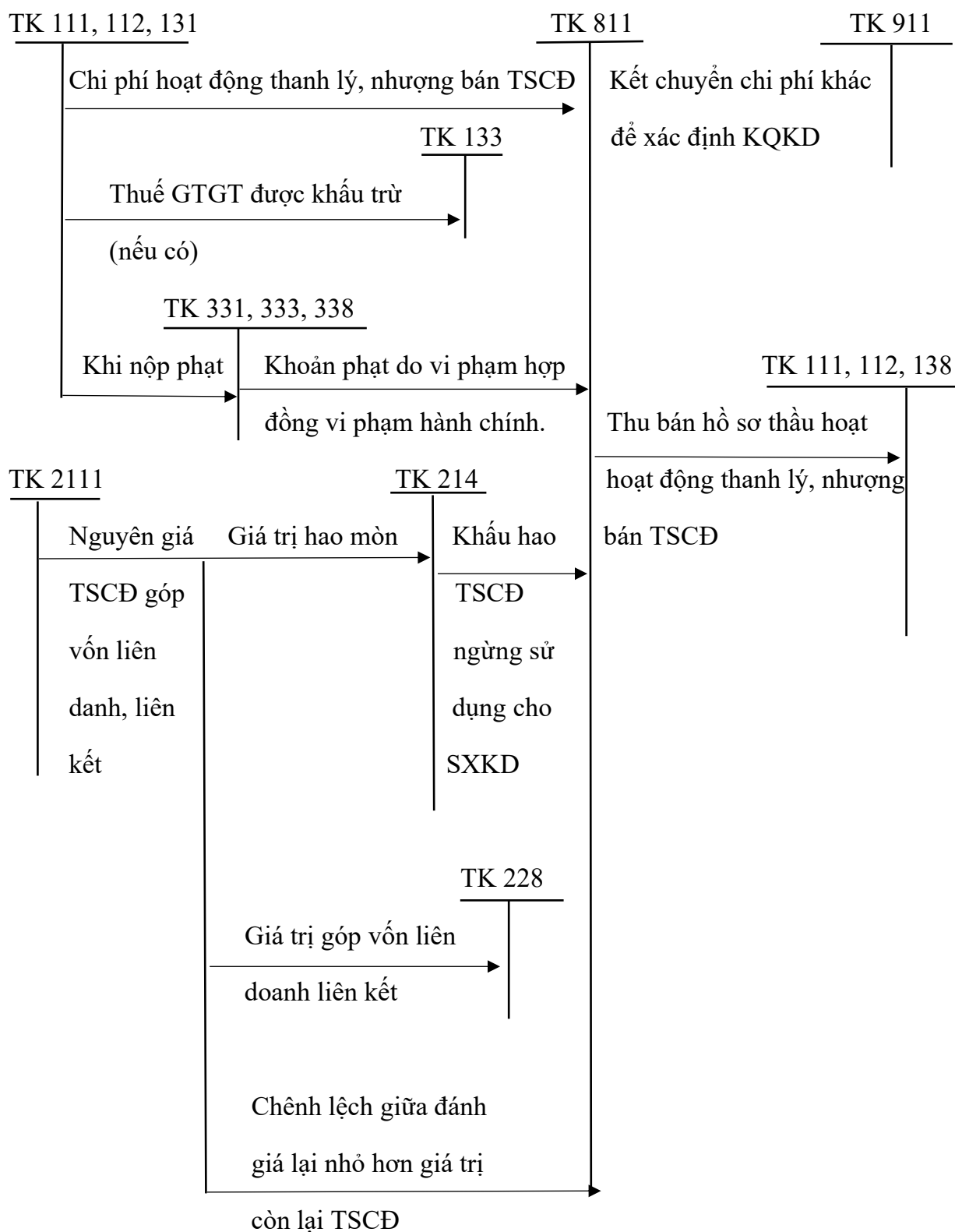
1.4.2.3. Tài khoản sử dụng.

*** Kết cấu tài khoản**

NỢ	TK 811	CÓ
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.4.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác

1.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.5.1.1. Khái niệm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) mà doanh nghiệp tư nhân phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phân tích lập quỹ KH\&CN (Nếu có)} \right] \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Căn cứ theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho năm nghiên cứu 2025, mức thuế suất thuế TNDN được quy định tùy theo loại hình và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như sau:
- Theo Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, mức thuế suất được quy định linh hoạt để tạo môi trường kinh doanh minh bạch, khuyến khích đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Cụ thể:
 - + 20%: Thuế suất cơ bản áp dụng cho phần lớn các doanh nghiệp.
 - + 15%: Áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không vượt quá 3 tỷ VND.
 - + 17%: Áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu từ trên 3 tỷ VND đến 50 tỷ VND.
 - + 25% - 50%: Áp dụng cho các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, quyết định cụ thể dựa trên vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ theo từng hợp đồng dầu khí.
 - + 50% - 70%: Áp dụng cho các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và các tài nguyên quý khác). Mức thuế suất cơ bản là 50%, riêng các mỏ có từ 70% diện tích trở lên nằm trên địa bàn đặc biệt khó khăn được áp dụng 40%.

Theo Điều 6 của luật Thuế TNDN 2025 căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất.

- Thu nhập tính thuế trong kỳ tính theo được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định. Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau (Điều 7 của luật Thuế TNDN 2025).

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$$

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế được xác định bởi theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Các khoản chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.5.1.2. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ
- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Biên lai nộp thuế

1.5.1.3. Tài khoản sử dụng.

*** Kết cấu tài khoản**

NỢ**TK 821****CÓ**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.5.1.4. Phương pháp hạch toán.

TK 3334	TK 821	TK 3334
Hàng quý tạm tính thuế TNDN đã nộp	Cuối kỳ kết chuyển chi phí thuế TNDN	
Phải bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước	Số thuế TNDN trong năm phải nhỏ hơn số thuế TNDN phải nộp	
Số thuế TNDN phải nộp trong năm lớn hơn số thuế TNDN phải nộp	Kết chuyển thuế TNDN	TK 911

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.5.2.1. Khái niệm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.5.2.2. Tài khoản sử dụng.

* Kết cấu tài khoản

Để hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “ **Xác định kết quả hoạt động kinh doanh** ”.

NỢ	TK 911	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí QLDN. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.5.2.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo công thức:

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

+ Lợi nhuận gộp xác định theo công thức:

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh xác định theo công thức:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Doanh thu thuần từ hoạt động &CCDV} + \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

+ Lợi nhuận khác xác định theo công thức:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế xác định theo công thức:

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

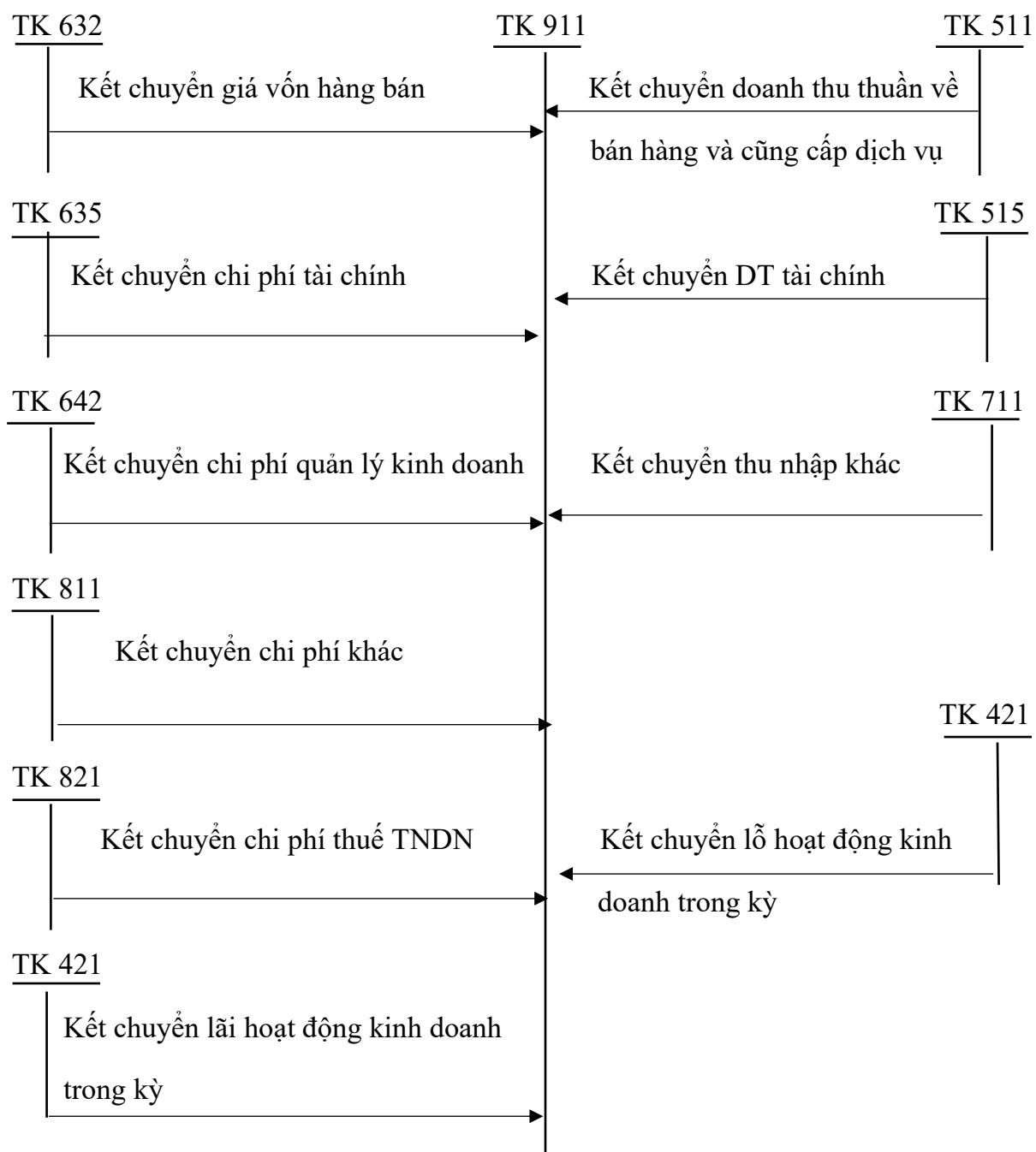
+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp xác định theo công thức:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

- Trong đó, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo công thức:

$$\text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} * \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.5.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT.

2.1. Giới thiệu Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1. Tổng quan về Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt đã được chấp nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 09/05/2011,

- Ngày bắt đầu hoạt động: 16/05/2011.
- Tên công ty : Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.
- Mã số thuế: 0401422087
- Địa chỉ : 354 Ngũ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Người đại diện: Nguyễn Tuấn.
- Số điện thoại: 0975770143
- Quản lý bởi : Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài NN.
- Ngành nghề kinh doanh: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

Mã	Ngành
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị văn phòng.
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá; Môi giới mua bán hàng hoá
4632	Bán buôn thực phẩm Chi Tiết: Bán buôn rau, củ, quả; thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn điện thoại di động, máy ảnh

4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (bán tại chân công trình). Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
4774	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh
6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet (bao gồm kinh doanh trò chơi trực tuyến);
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi Tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, môi giới bất động sản.
7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại (không bao gồm đập, cắt, gò, hàn, sơn bảng hiệu quảng cáo tại trụ sở)
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website
7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển
8219	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Dịch vụ photocopy, đánh máy vi tính.

Bảng 2.1. Các ngành nghề được đăng ký kinh doanh, bao gồm:

2.1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

- Công Ty TNHH Phát Tuấn Đạt, thành lập ngày 09/05/2011, có trụ sở tại 354 Ngũ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Sau một thời gian hoạt động ổn định, Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt bắt đầu mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty chú trọng:

+ Đa dạng hóa sản phẩm: laptop, máy tính để bàn, màn hình, linh kiện, phụ kiện.

+ Hợp tác với nhiều thương hiệu máy tính uy tín.

+ Nâng cao dịch vụ bảo hành, sửa chữa và hỗ trợ khách hàng sau bán hàng.

- Bên cạnh bán hàng trực tiếp tại cửa hàng, công ty còn mở rộng kênh bán hàng trực tuyến, giúp tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng hơn, đặc biệt là học sinh, sinh viên và nhân viên văn phòng.

- Trải qua gần 14 năm hoạt động với ngành nghề chính là Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh, cho đến hiện nay công ty đã tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường về cung cấp các thiết bị máy tính, laptop cao cấp, và các linh kiện chính hãng.

2.1.1.3. Chức năng và nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1.3.1 Chức năng

+ Phân phối các sản phẩm công nghệ: Cung cấp các thiết bị máy tính, linh kiện, và thiết bị ngoại vi.

+ Dịch vụ kỹ thuật: Sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, bảo hành các thiết bị máy tính.

+ Tư vấn: Cung cấp giải pháp và tư vấn về cấu hình, phần mềm, hệ thống. Tư vấn cho khách hàng lựa chọn máy tính, thiết bị phù hợp với nhu cầu học tập, làm việc, giải trí. Hướng dẫn sử dụng cơ bản các sản phẩm máy tính và thiết bị liên quan.

+ Phát triển thị trường: Mở rộng tệp khách hàng, duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ. Nâng cao uy tín, thương hiệu của công ty trong lĩnh vực máy tính tại địa phương.

+ Bán trả góp Laptop mới và cũ giá rẻ, uy tín, bảo hành đến 5 năm: Với hệ thống Showroom hiện đại, chuyên nghiệp, Tuấn Đạt mang đến cho khách hàng trải nghiệm mua sắm tuyệt vời nhất. Sản phẩm chính của chúng tôi là các dòng Laptop cũ giá rẻ. Phục vụ nhiều mục đích sử dụng như làm việc, văn phòng, học tập, thiết kế đồ họa, chơi game... Cam kết đảm bảo quyền lợi cao nhất của khách hàng. Với chế độ bảo hành đến 5 năm. Hỗ trợ bán trả góp Laptop cho cả sinh viên và người đi làm.

2.1.1.3.2. Nhiệm vụ

+ Cung cấp sản phẩm chất lượng: Mang đến các sản phẩm máy tính mới và đã qua sử dụng (laptop cũ, máy tính bộ) với giá cạnh tranh

+ Đội ngũ nhân viên: Với đội ngũ nhân viên tư vấn trẻ trung, năng động được đào tạo nghiệp vụ bài bản. Tuấn Đạt phục vụ khách hàng bằng sự tận tâm và nhiệt tình nhất. Bên

cạnh đó, các kỹ thuật viên có trình độ chuyên nghiệp, tay nghề cao và giàu kinh nghiệm. Chắc chắn sẽ làm khách hàng yên tâm, hài lòng.

+ Đảm bảo chất lượng dịch vụ: Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật cơ bản cho sản phẩm công nghệ bán ra.

+ Đáp ứng nhu cầu công nghệ: Phục vụ nhu cầu tin học cá nhân và văn phòng, hỗ trợ chuyển giao thiết bị công nghệ các tỉnh thành.

+ Tuân thủ pháp luật: thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, ký kết và thực hiện hợp đồng hợp pháp.

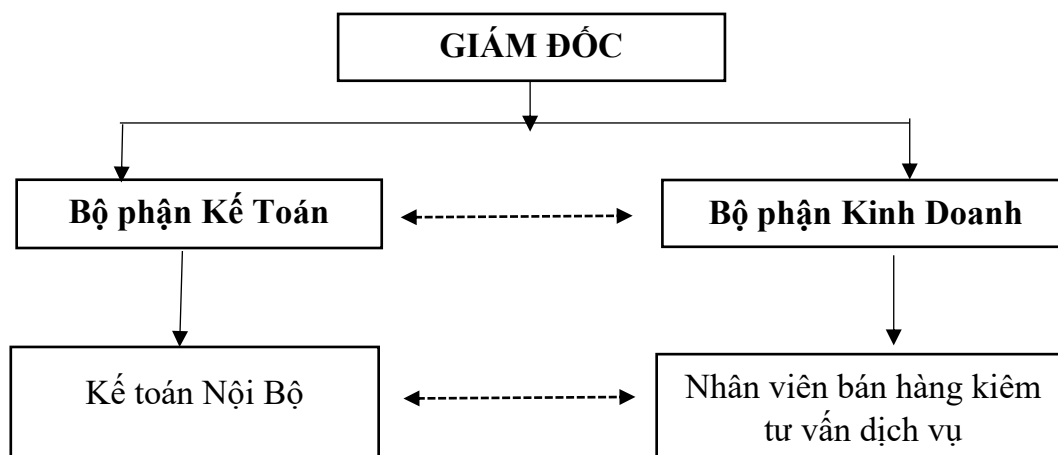
+ Hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với cơ quan Nhà nước như: Nộp đầy đủ các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế môn bài...

2.1.1.3.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và dịch vụ viễn thông. Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đa dạng về mẫu mã và giá cả cạnh tranh, phục vụ cho nhiều đối tượng như khách hàng cá nhân, doanh nghiệp, và đại lý. Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, công ty cam kết mang đến trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và luôn nỗ lực phát triển bền vững.

2.1.1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1.4.1. Khái quát bộ máy quản lý tại công ty.



Sơ đồ 2.1. Tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

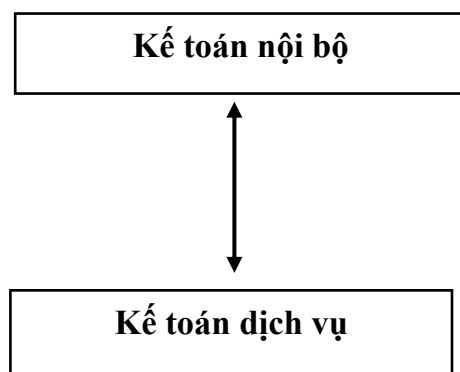
Giám đốc là người đứng đầu doanh nghiệp, vị trí lãnh đạo cao nhất và có trách nhiệm chính trong việc điều hành và quản lý hoạt động của doanh nghiệp.

- + Tổ chức bộ máy quản lý; phân công, phân cấp nhiệm vụ cho cấp dưới.
- + Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ, nhân viên.
- + Đại diện cho công ty trước các đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.
- + Tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ quản lý cấp cao, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và hiệu quả.
- + Chịu trách nhiệm cuối cùng về hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty trước Hội đồng quản trị và các cổ đông.
- + Xây dựng mối quan hệ với các đối tác, khách hàng và cộng đồng, phát triển và duy trì mạng lưới liên kết vững chắc để tạo cơ hội kinh doanh và mở rộng thị trường.
- **Bộ phận kế toán:** Tại công ty TNHH Phát Tuấn Đạt, Kế toán nội là người chịu trách nhiệm quản lý bộ phận này. Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý tài chính – kế toán của công ty.
 - + Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, ghi chép, phản ánh đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
 - + Quản lý thu – chi, công nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả.
 - + Thực hiện lập hóa đơn, chứng từ kế toán, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ liên quan.
 - + Theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ, thực hiện trích khấu hao theo quy định. + Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo nội bộ theo đúng thời hạn và quy định của pháp luật.
 - + Thực hiện kê khai, quyết toán thuế (GTGT, TNDN, TNCN...) và làm việc với cơ quan thuế khi có yêu cầu. Phối hợp với các phòng ban khác trong việc đối chiếu số liệu, thanh toán và quyết toán chi phí. Bảo quản, lưu trữ sổ sách kế toán, chứng từ theo đúng quy định. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác kế toán theo sự phân công của Giám đốc.
- **Bộ phận kinh doanh:**
 - + Trực tiếp thực hiện bán hàng, giới thiệu và tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của công ty cho khách hàng.

- + Tìm kiếm, tiếp cận và chăm sóc khách hàng mới, đồng thời duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ.
- + Tư vấn cho khách hàng về tính năng, giá cả, chính sách bảo hành và dịch vụ hậu mãi của sản phẩm.
- + Thực hiện các hoạt động quảng bá, tiếp thị sản phẩm và dịch vụ của công ty. Tổng hợp thông tin thị trường, phản hồi ý kiến khách hàng để đề xuất cải tiến sản phẩm, dịch vụ.

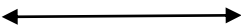
2.1.1.5 Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.1.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán.

Ghi chú:

Quan hệ hỗ trợ: 

*** Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận:**

a. Kế toán nội bộ

Ghi chép tất cả các công việc liên quan đến nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp, từ ghi hóa đơn bán hàng, ghi sổ chi tiết doanh thu bán hàng, ghi sổ chi tiết hàng xuất bán. Theo dõi công nợ phải thu cũng như phải trả.

- Thu thập và kiểm tra chứng từ kế toán: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp pháp – hợp lý – hợp lệ của các chứng từ phát sinh như:

- + Hóa đơn bán hàng, hóa đơn mua vào.
- + Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Có/Nợ ngân hàng.
- + Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- + Bảng lương, bảng chấm công, hồ sơ nhân sự liên quan đến tiền lương.
- + Phân loại chứng từ theo từng nghiệp vụ: Mua hàng, bán hàng, chi phí, tiền lương, tài sản,...

- Ghi nhận và theo dõi số liệu nội bộ:
- + Theo dõi doanh thu bán hàng, công nợ phải thu của khách hàng.
- + Theo dõi chi phí hoạt động, công nợ phải trả nhà cung cấp.
- + Quản lý quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng.
- + Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho. - Lập và chuyển hồ sơ cho kế toán dịch vụ:
- + Tổng hợp chứng từ đầy đủ theo kỳ kế toán.
- + Lập bảng kê hóa đơn đầu vào – đầu ra.
- + Chuyển chứng từ và số liệu cho kế toán dịch vụ đúng thời hạn.
- + Giải trình các nghiệp vụ phát sinh khi kế toán dịch vụ yêu cầu.
- Phối hợp và hỗ trợ công tác kế toán – thuế:
- + Rà soát số liệu trước khi lập báo cáo.
- + Cung cấp hồ sơ khi cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra.
- + Báo cáo kịp thời cho ban lãnh đạo các vấn đề bất thường về chi phí, công nợ, dòng tiền.

b. Kế toán dịch vụ.

Kế toán dịch vụ là đơn vị chuyên môn bên ngoài, chịu trách nhiệm xử lý số liệu kế thuế theo quy định pháp luật trên cơ sở chứng từ do doanh nghiệp cung cấp.

- Hạch toán kế toán và ghi sổ kế toán:
- + Kiểm tra lại chứng từ do kế toán nội bộ chuyển đến.
- + Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm kế toán.
- + Ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (theo Thông tư 133/2016/TT-BTC).
- Lập và kê khai các loại thuế: Thuế GTGT (theo quý), Thuế TNCN, Thuế TNDN tạm tính.
- + Theo dõi nghĩa vụ thuế, thông báo số thuế phải nộp cho doanh nghiệp.
- + Tư vấn các vấn đề về thuế, chi phí được trừ, hóa đơn chứng từ hợp lệ.
- Lập báo cáo tài chính và quyết toán thuế, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
- + Thực hiện quyết toán thuế cuối năm với cơ quan thuế.
- + Giải trình số liệu khi có thanh tra.

2.1.1.5.2. Các chính sách chế độ kế toán tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

a. Chế độ kế toán

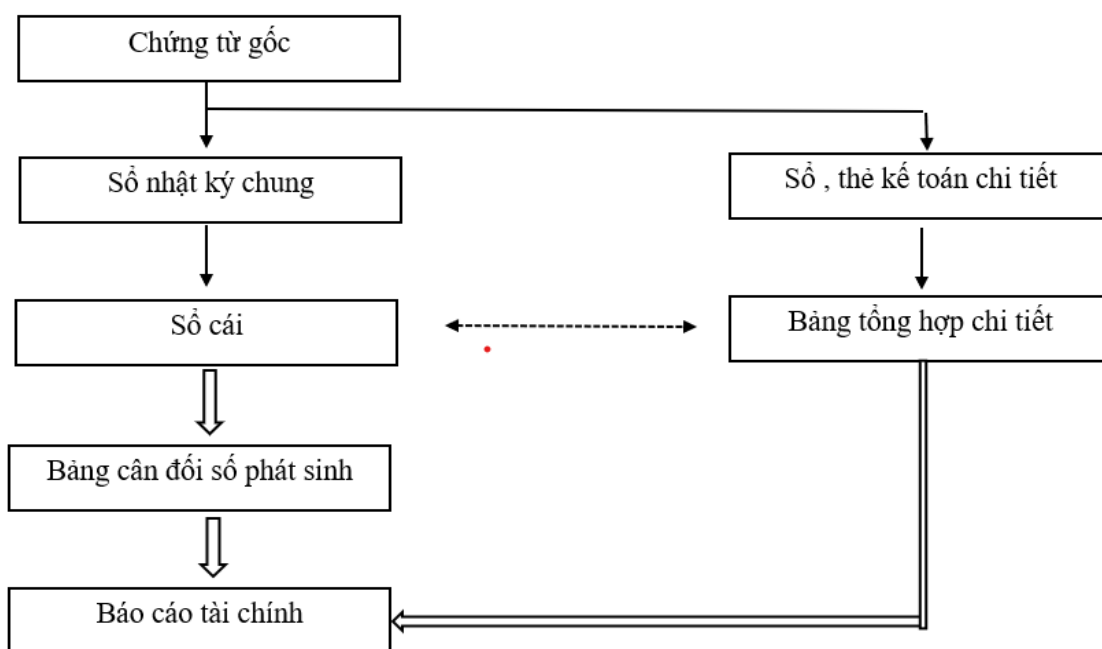
- Thông tư số 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/08/2016, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Việc áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC giúp công ty đơn giản hóa hệ thống tài khoản kế toán, giảm bớt khối lượng sổ sách kế toán, phù hợp với quy mô tổ chức và năng lực bộ máy kế toán và đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin tài chính phục vụ quản lý và quyết toán thuế.

b. Chính sách kế toán

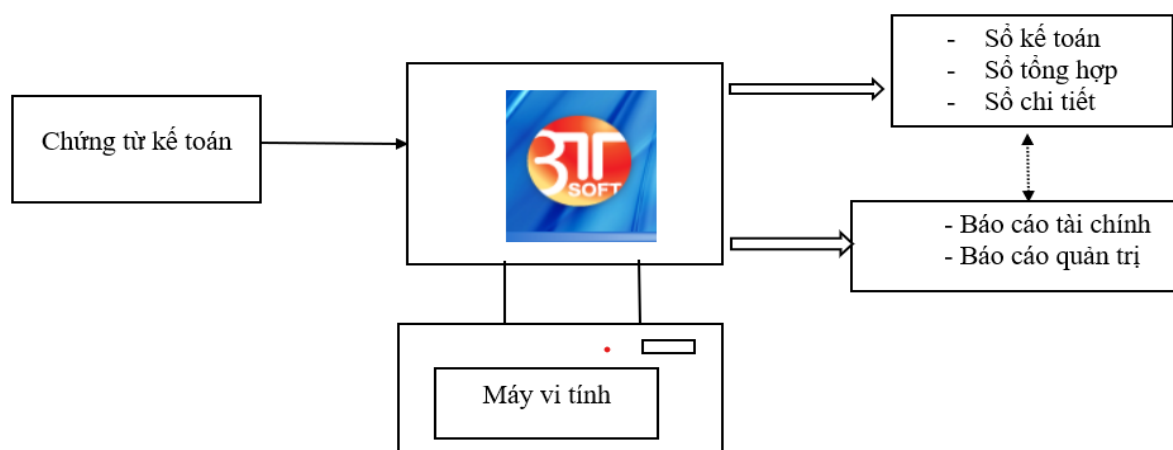
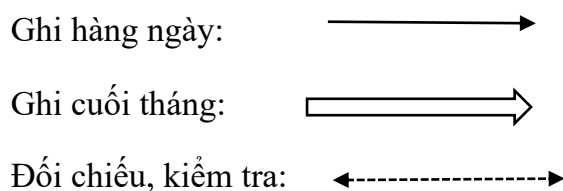
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kê khai theo quý.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.1.1.5.3. Hình thức kế toán tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Do đặc điểm và quy mô hoạt động kinh doanh, công ty áp dụng phương pháp ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”, được hỗ trợ bởi máy tính và phần mềm kế toán 3TSOFT theo quy định thông tư 133/2016/TT-BT



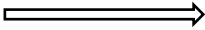
Sơ đồ 2.3 Hình thức ghi sổ kế toán.



Sơ đồ 2.4 Hình thức ghi sổ kế toán bằng phần mềm.

Ghi chú:



In số báo cáo báo cuối tháng, cuối năm: 

Đối chiếu kiểm tra: 

- Hàng ngày: Kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết liên quan.
- Cuối tháng: Kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.



Hình 2.1. Giao diện phần mềm 3TSoft.

Các phần hành kế toán chính:

- **Kế toán Tiền mặt - Tiền gửi:** Xử lý thu chi, báo nợ-báo có, theo dõi khoản mục, đối tượng, hợp đồng, phân bổ chi phí thuế TNDN, quản lý đa tiền tệ và tỷ giá.
- **Kế toán Vật tư - Hàng hóa - Kho:** Quản lý mua hàng, bán hàng, nhập xuất kho, tính giá nhập xuất tồn kho (chi tiết theo nhiều phương pháp).
- **Kế toán Tài sản cố định - Công cụ:** Quản lý tài sản, phân bổ khấu hao, công cụ, chi phí liên quan.
- **Kế toán Sản xuất - Giá thành:** Mạnh về tính giá thành sản phẩm, định nghĩa cách thức phân bổ chi phí.
- **Kế toán Công trình:** Quản lý chi phí, doanh thu, lợi nhuận theo từng công trình.
- **Kế toán Tổng hợp:** Lập sổ cái, báo cáo tài chính, tổng hợp dữ liệu từ các phân hành khác.

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

2.2.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

**** Đặc điểm hàng bán tại Công ty***

Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt kinh doanh chủ yếu các mặt hàng bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông. Các mặt hàng được bán theo phương thức trực tiếp tại địa điểm kinh doanh

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu xuất kho

c. Tài khoản sử dụng.

Căn cứ theo điều 57 thông tư 133/2016 TT-BTC, Công ty sử dụng tài khoản **511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**.

- **Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

- Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt là công ty thương mại nên sử dụng TK 5111 để ghi nhận doanh thu bán hàng hóa.

- **Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa:** Ghi nhận doanh thu và doanh thu thuần từ khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ kế toán, thường áp dụng cho các ngành kinh doanh hàng hóa.

d. Sổ sách sử dụng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ, công ty tiến hành ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 511.
- Sổ chi tiết 5111.

e. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Khách hàng mua trực tiếp tại cửa hàng hoặc mua qua trực tuyến: Các nhân viên sẽ gửi danh sách báo giá hàng hóa để khách hàng lựa chọn.

Khi khách hàng mua hàng, kế toán nội bộ sẽ tiến hành lập hóa đơn GTGT. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán dịch vụ tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán 3TSOFT. Sau khi bấm lưu phần mềm tự động lên Sổ chi tiết tài khoản, Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản.

Khi khách hàng nhận hàng và thanh toán đủ cho công ty (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản), dựa vào hóa đơn GTGT và phiếu thu hoặc giấy báo có, kế toán sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu.

*** Ví dụ trường hợp bán hàng tại Công ty - Bán hàng thu tiền mặt:**

Trích số liệu thực tế quý 4 tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Ngày 07/10/2025 Xuất hàng bán cho khách hàng cho Công ty TNHH Thương mại và Công Nghiệp Tâm Tín theo Hóa đơn số 16, trị giá 1.620.000 (đã bao gồm thuế VAT 8%) khách hàng. Hóa đơn sau khi lập được kế toán kiểm tra và trình lên Giám đốc ký duyệt trước khi gửi cho khách hàng. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Công ty áp dụng mức VAT đầu ra 8% là do:

- Máy tính và nhiều sản phẩm liên quan thuộc đối tượng VAT 10% theo luật thuế GTGT.
- Tuy nhiên, trong giai đoạn giảm thuế theo chính sách hỗ trợ, nếu mặt hàng đó không nằm trong danh sách loại trừ, thì công ty được tính thuế VAT 8% khi bán ra cho khách hàng.

Căn cứ văn bản pháp luật:

Việc giảm thuế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật của Quốc hội và Chính phủ:

*** Nghị quyết của Quốc hội:**

- Quốc hội Việt Nam ban hành nghị quyết về giảm VAT từ 10% xuống 8% cho nhiều loại hàng hóa và dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

*** Nghị định của Chính phủ:**

Thuế GTGT đầu ra đối với ngành nghề bán máy tính trong nửa đầu năm 2025 được áp dụng thuế suất 8% (thay vì 10% thông thường) theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP.

Nghị định này quy định việc giảm thuế GTGT 2% (từ 10% xuống 8%) đối với hầu hết các nhóm hàng hóa đang áp dụng mức thuế suất 10% và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025.

Nghị định của Chính phủ (ví dụ như Nghị định 174/2025/NĐ-CP và tương tự) quy định chi tiết:

- VAT giảm còn 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ trước đây chịu thuế 10%.
- Áp dụng trong thời gian nhất định (từ 01/07/2025 đến 31/12/2026 theo nghị định mới nhất) trừ một số trường hợp ngoại lệ như viễn thông, tài chính – ngân hàng, bất động sản, sản phẩm kim loại...
- Các nghị định này cụ thể hóa đối tượng và điều kiện áp dụng thuế suất 8%, ngày hiệu lực, và cách kê khai trên hóa đơn VAT.

*** Luật Thuế Giá trị gia tăng (hiện hành):**

- Luật Thuế GTGT quy định các mức thuế suất cơ bản (0%, 5%, 8%, 10%) và nguyên tắc lựa chọn mức thuế cho từng loại hàng hóa, dịch vụ. Việc giảm từ 10% xuống 8% là điều chỉnh tạm thời dựa trên nghị quyết và nghị định.

Sau khi Công Ty cho Công ty TNHH Thương mại và Công Nghiệp Tâm Tín đồng ý mua hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm **<https://hddt.vinhoadon.com>**. Hóa đơn số 6 được lập theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập vào phần mềm **VIN-HOADON** và đăng nhập vào bằng mã số thuế và mật khẩu của Công ty.

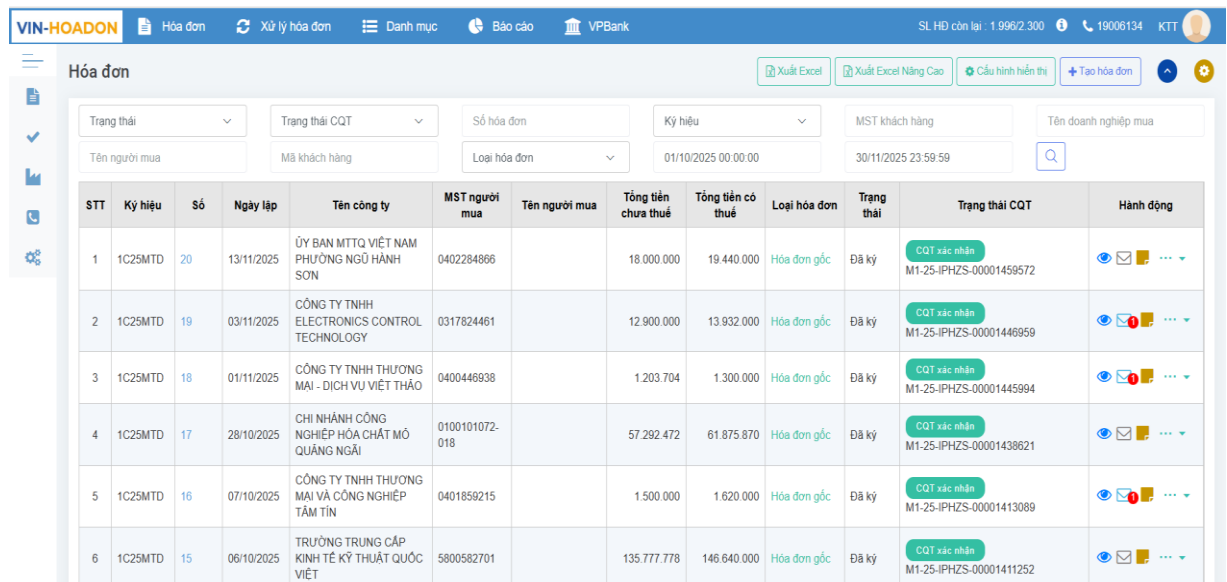
Bước 2: Để tạo hóa đơn GTGT đầu tiên vào mục hóa đơn đầu ra : chọn “ lập hóa đơn mới”

→ chọn mẫu “1C25MTD hóa đơn giá trị gia tăng”: Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C25MTD là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, áp dụng cho hóa đơn giá trị gia tăng, được phát hành năm 2025, theo chuẩn dữ liệu của Tổng cục Thuế.

Bước 3: Chọn mẫu hóa đơn và nhập đầy đủ thông tin người bán, người mua, tên hàng hóa/dịch vụ, số lượng, đơn giá, thuế suất. Lưu ý về ngày lập và số hóa đơn (tăng dần). Sau đó **F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa để nhập hàng hóa.**

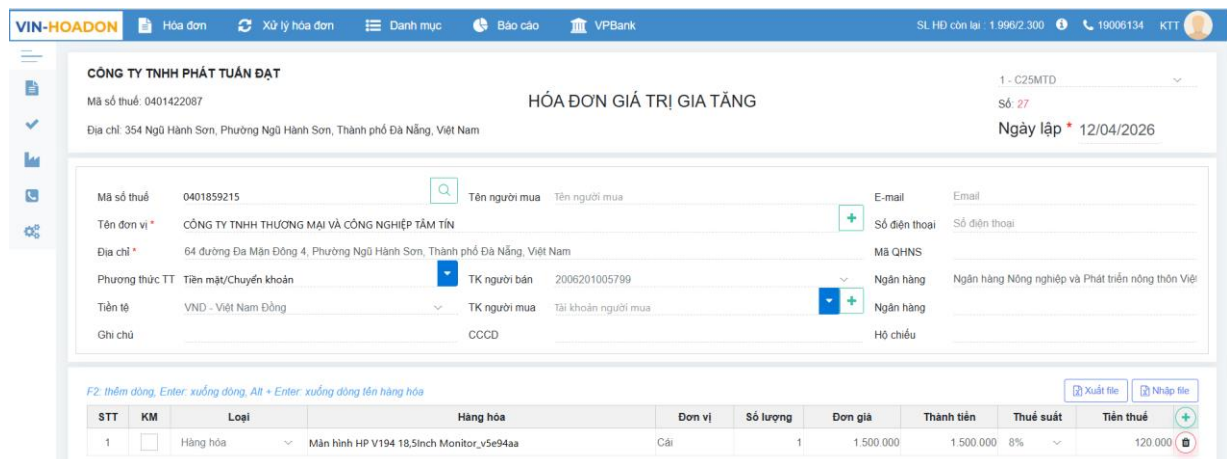
Bước 4: Lưu nháp -> Gửi nháp khách kiểm tra chọn “ Hóa đơn vừa tạo, nhập email khách hàng và nhấn “gửi HD nháp”. Nếu có yêu cầu sửa, chọn “chỉnh sửa”.

Bước 5: Sau khi nhập và kiểm tra đầy đủ thông tin bấm “ghi lại” . Khi đó tại giao diện hóa đơn đầu ra, dòng hóa đơn mới tạo, bấm “ký” -> cắm chữ ký số của công ty vào và nhập mã pin, phần mềm sẽ ký vào hóa đơn và được thể hiện theo mẫu sau:



STT	Ký hiệu	Số	Ngày lập	Tên công ty	MST người mua	Tên người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền có thuế	Loại hóa đơn	Trạng thái	Trạng thái CQT	Hành động
1	1C25MTD	20	13/11/2025	ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM PHƯỜNG NGŨ HÀNH SƠN	0402284866		18.000.000	19.440.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001459572	
2	1C25MTD	19	03/11/2025	CÔNG TY TNHH ELECTRONICS CONTROL TECHNOLOGY	0317824461		12.900.000	13.932.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001446959	
3	1C25MTD	18	01/11/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VIỆT THẢO	0400446938		1.203.704	1.300.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001445994	
4	1C25MTD	17	28/10/2025	CHI NHÁNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ QUẢNG NGÃI	0100101072-018		57.292.472	61.875.870	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001438621	
5	1C25MTD	16	07/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN	0401859215		1.500.000	1.620.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001413089	
6	1C25MTD	15	06/10/2025	TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT QUỐC VIỆT	5800582701		135.777.778	146.640.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nhận M1-25-IPH2S-00001411252	

Hình 2. 3 Giao diện website xuất hoá đơn GTGT



CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Mã số thuế: 0401422087

Địa chỉ: 354 Ngõ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Số: 27

Ngày lập: 12/04/2026

Mã số thuế: 0401859215

Tên người mua: Tên người mua

E-mail: Email

Số điện thoại: Số điện thoại

Mã QHNS: Mã QHNS

Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Ngân hàng: Ngân hàng

Hộ chiếu: Hộ chiếu

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1		Hàng hóa	Màn hình HP V194 18,5inch Monitor_v5e94aa	Cái	1	1.500.000	1.500.000	8%	120.000

Hình 2.4 Giao diện xuất hoá đơn GTGT

(VAT INVOICE)

(Electronic invoice display)

Mã COT: *M1-25-IPHZS-00001413089*

Mã COT: *M1-25-IPHZS-00001413089*

Số (No.): 16

Mã số thuế (Tax code): 0401422087

Số tài khoản (A/C No): 2006201005799 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh

Ngũ Hành Sơn



Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN

Mã số thuế (Tax code): 0401859215

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Tổng hợp (Summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá chưa thuế GTGT (Amount before VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total amount)
Tổng tiền không tính thuế GTGT:	/			
Tổng tiền không chịu thuế GTGT:	/			
Tổng tiền chịu thuế suất:	0%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	5%			
Tổng tiền chịu thuế suất:	8%	1.500.000	120.000	1.620.000
Tổng tiền chịu thuế suất:	10%			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		1.500.000	120.000	1.620.000

Tổng số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT

Ngày ký: 07 / 10 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2TXJMXD2W1E

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2. 5 Hoá đơn GTGT đầu ra số 16

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN DAT
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 07 tháng 10 năm 2025

Quyển số:

Số: PT/25/023

Nợ	1111:	1.620.000
Có	5111:	1.500.000
	33311:	120.000

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN

Địa chỉ: 64 đường Đa Mạn Đông 4, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do nộp: Bán hàng theo HĐ 16

Số tiền: 1.620.000 Viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Tuấn

Nguyễn Thị Kiều

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Hình 2.6 Phiếu thu PT/23/065 theo hóa đơn số 16

Cách đánh số của công ty ví dụ số PT/25/ là phiếu thu năm 2025 số

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT đầu ra và chứng từ kèm theo như phiếu thu..., để tiến hành hạch toán vào phần mềm kế toán 3TSOFT. Kế toán phải đăng nhập tên cơ sở dữ liệu PHATTUANDAT_V133 sau đó giao diện làm việc của 3TSOFT mới xuất hiện.



Hình 2.7 Giao diện cơ sở dữ liệu để đăng nhập vào phần mềm 3TSOFT



Hình 2.8 Giao diện sử dụng nhập số liệu bán hàng lên phần mềm kế toán 3Tsoft.

Hoá đơn bán hàng

Ngày chứng từ: 07/10/2025

Khoá: Sổ cái ADMIN

Tiền tệ: VND 1

Số: PXX/25/045

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: TAMTIN2 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN

Ông bà: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN Địa chỉ: ng 4, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Bán hàng theo HĐ 16

Mã nhập xuất: 111B Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt Xem giá mua - F9

	Vật tư			Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	
	Mã	Tên	Đvt					%	Thành tiền
1	MANHINH...	Màn hình HP V194 18,5inch Monitor_v5e94aa	cái	HH	1,00	1.500.000,00	1.500.000,00	8,00	120.000,00

Tiền mặt: Tiền hàng: 1.500.000,00 Chi phí: Thuế xuất khẩu: Thuế tiêu thụ đặc biệt: Thuế GTGT (%): C K Giá có thuế: K Thuế GTGT: 120.000,00 Chiết khấu: Ngày hoá đơn: 07/10/2025 Số hoá đơn: 16 Kỳ hiệu hoá đơn: Tổng tiền: 1.620.000,00

HH - Kho hàng hóa || MANHINHHPV194 18.5INCH - Màn hình HP V194 18,5inch Monitor_v5e94aa || Tồn kho: 5,00 Sửa giá trị VND

Hình 2. 9 Giao diện hoá đơn bán hàng trên 3Tsoft theo HĐ 16

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để nhập vào phần mềm kế toán 3TSOFT. Ở mục “Mã nhập xuất” chọn 111 – Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi lưu hoá đơn bán hàng, phần mềm sẽ tự động tạo phiếu thu và kế toán bấm lưu

Phiếu thu tiền mặt

Ngày chứng từ: 07/10/2025 Khoá SỔ cái ADMIN

Số: PT/25/023 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: TAMTIN2 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN

Ông bà: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN Địa chỉ: Ng 4, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Bán hàng theo HĐ 16

	P S	Tài khoản	Ttệ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	1111	VND	1.620.000,00	1	1.620.000		Bán hàng theo HĐ 16
2	C	5111	VND	1.500.000,00	1	1.500.000		Bán hàng theo HĐ 16
3	C	33311	VND	120.000,00	1	120.000		Bán hàng theo HĐ 16

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo: chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 1.620.000,00 1.620.000
Phát sinh có: 1.620.000,00 1.620.000

1111 - Tiền mặt || Dư nợ: 746.268.682

Hình 2. 10 Giao diện phiếu thu tiền mặt trên 3TSOFT theo HĐ 16

Sau khi hoàn tất bán hàng, thì kế toán sẽ tiến hành lập phiếu thu số PT/23/065 ngày 07/10/2025.

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT						Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng						Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
						Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
07/01/2025	07/01/2025	PXK/25/001	Bán hàng theo HD 1	131		34.909.091		34.909.091
....					...	...		
12/02/2025	12/02/2025	PT/25/004	Bán hàng theo HD 6	1111		454.550		55.181.823
....	...	...	..	...	...	...	...	...
06/03/2025	06/03/2025	PXK/25/013	Bán hàng theo HD 13	131		21.000.000		362.424.246
...		...	...	...	...	...	...	...
08/04/2025	08/04/2025	PT/25/010	Bán hàng theo HD 18	1111		8.181.818		431.033.674
12/05/2025	12/05/2025	PXK/25/019	Bán hàng theo HD 19	131		15.000.000		446.033.674
...								
08/07/2025	08/07/2025	PT/25/018	Bán hàng theo HD 1	1111		185.186		631.373.409
17/07/2025	17/07/2025	PXK/25/031	Bán hàng theo HD 2	131		6.212.962		637.586.371
..	...	...						...
26/08/2025	26/08/2025	PT/25/020	Bán hàng theo HD 7	1111		1.350.000		761.390.075
...	...			...	...			...
30/09/2025	30/09/2025	PXK/25/043	Bán hàng theo HD 14	131		5.925.924		826.473.408
06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	Bán hàng theo HD 15	131		135.777.778		962.251.186
07/10/2025	07/10/2025	PT/25/023	Bán hàng theo HD 16	1111		1.500.000		963.751.186
28/10/2025	28/10/2025	PXK/25/046	Bán hàng theo HD 17	131		57.292.472		1.021.043.658
...	...	...					...	...
22/12/2025	22/12/2025	PXK/25/053	Bán hàng theo HD 26	131		66.688.388		1.145.947.787
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/001	Kết chuyển doanh thu	911	1.145.947.787			
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.145.947.787	1.145.947.787		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng							Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)							(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.2 Trích từ sổ chi tiết TK 5111 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
07/01/2025	07/01/2025	PXK/25/001	Bán hàng theo HĐ 1	131		34.909.091
...	..	...		...	...	...
10/02/2025	10/02/2025	PT/25/003	Bán hàng theo HĐ 5	1111		9.090.909
...	...	..	...	...	..	...
27/02/2025	27/02/2025	PT/25/006	Bán hàng theo HĐ 11	1111		1.369.697
..	..	...	...	...	...	...
08/04/2025	08/04/2025	PT/25/010	Bán hàng theo HĐ 18	1111		8.181.818
12/05/2025	12/05/2025	PXK/25/019	Bán hàng theo HĐ 19	131		15.000.000
22/05/2025	22/05/2025	PT/25/011	Bán hàng theo HĐ 20	1111		2.727.273
...	...	...	...	...	...	
17/07/2025	17/07/2025	PXK/25/031	Bán hàng theo HĐ 2	131		6.212.962
01/08/2025	01/08/2025	PXK/25/032	Bán hàng theo HĐ 3	131		77.950.000
12/08/2025	12/08/2025	PXK/25/033	Bán hàng theo HĐ 4	131		7.407.407
...	...	...	...	...	...	...
27/08/2025	27/08/2025	PT/25/021	Bán hàng theo HĐ 9	1111		824.074
25/09/2025	25/09/2025	PXK/25/039	Bán hàng theo HĐ 10	131		7.407.407
26/09/2025	26/09/2025	PXK/25/040	Bán hàng theo HĐ 11	131		36.851.852
30/09/2025	30/09/2025	PT/25/022	Bán hàng theo HĐ 13	1111		648.150
30/09/2025	30/09/2025	PXK/25/041	Bán hàng theo HĐ 12	131		13.425.926
30/09/2025	30/09/2025	PXK/25/043	Bán hàng theo HĐ 14	131		5.925.924
06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	Bán hàng theo HĐ 15	131		135.777.778
07/10/2025	07/10/2025	PT/25/023	Bán hàng theo HĐ 16	1111		1.500.000
28/10/2025	28/10/2025	PXK/25/046	Bán hàng theo HĐ 17	131		57.292.472
01/11/2025	01/11/2025	PT/25/024	Bán hàng theo HĐ 18	1111		1.203.704
02/12/2025	02/12/2025	PT/25/025	Bán hàng theo HĐ 22	1111		1.150.000
...	...	...	...	...		...
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/001	Kết chuyển doanh thu	911	1.145.947.787	
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.145.947.787	1.145.947.787
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng				Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)				(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.3. Trích sổ cái TK 511 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

**** Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.***

Trong năm 2025 Công ty không phát sinh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu nên Công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

a. Nội dung giá vốn tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

- Giá vốn hàng bán trong năm được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO) giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

b. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Công ty sử dụng phương pháp nhập trước xuất trước. Giá vốn được tính theo đơn giá của lô hàng nhập sớm nhất cho đến khi hết, sau đó mới tính tiếp đến lô hàng nhập sau.

c. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

d. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán để phản ánh giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

e. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết TK 6321, Sổ cái 632

Sổ nhật ký chung

g. Trình tự ghi sổ.

Công ty tính giá vốn theo phương pháp nhập trước xuất trước:

Sổ chi tiết bán hàng

	Ngày ghi số	Chứng từ		Đối tượng		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số lượng	Giá vốn		Doanh thu		Tiền thuế	Chiết khấu
		Ngày	Số	Mã	Tên				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền		
142						Chi tiết bán hàng (MANHINHHPV194 18.5INCH)								
143	07/10/2025	07/10/2025	PXK/25/045	TAMTIN2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ C...	Bán hàng theo HĐ 16	1111	1,00	1.340.000	1.340.000	1.500.000	1.500.000	120.000	
▶ 144						Cộng số phát sinh		1,00		1.340.000		1.500.000	120.000	
145						- Doanh thu thuần						1.500.000		
146						- Giá vốn hàng bán						1.340.000		
147						- Lãi gộp (MANHINHHPV194 18.5INCH)						160.000		
148														
149						Chi tiết bán hàng (MAYIN001)								
150	06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	KTKTQUOC...	TRƯỜNG TRUNG CẤP KT-KT QUỐC ...	Bán hàng theo HĐ 15	131	1,00	5.787.037	5.787.037	6.450.000	6.450.000	516.000	
151						Cộng số phát sinh		1,00		5.787.037		6.450.000	516.000	
152						- Doanh thu thuần						6.450.000		
153						- Giá vốn hàng bán						5.787.037		
154						- Lãi gộp (MAYIN001)						662.963		
155														
156						Chi tiết bán hàng (NGUONMAYTINHS-POWER)								
157	06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	KTKTQUOC...	TRƯỜNG TRUNG CẤP KT-KT QUỐC ...	Bán hàng theo HĐ 15	131	11,00	398.148	4.379.630	444.496	4.889.459	391.157	
158						Cộng số phát sinh		11,00		4.379.€		4.889.459	391.157	
159						- Doanh thu thuần						4.889.459		
160						- Giá vốn hàng bán						4.379.630		
161						- Lãi gộp (NGUONMAYTINHS-POWER)						509.829		
162														
163						Chi tiết bán hàng (OCUNGLEXAR NM610 PR...								
164	28/10/2025	28/10/2025	PXK/25/046	MOQUANGN...	CHI NHÁNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT...	Bán hàng theo HĐ 17	131	4,00	1.250.000	5.000.000	1.462.500	5.850.000	468.000	
165						Cộng số phát sinh		4,00		5.000.000		5.850.000	468.000	
166						- Doanh thu thuần						5.850.000		
167						- Giá vốn hàng bán						5.000.000		
168						- Lãi gộp (OCUNGLEXAR NM610 PRO PCIE G...						850.000		
169														

Hình 2.11 Giao diện sổ chi tiết bán hàng trên phần mềm 3TSOF

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 10 năm 2025

Số: P XK/25/045

Nợ 6321: 1.340.000
Có 156: 1.340.000

- Họ tên người nhận hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP TÂM TÍN**
- Địa chỉ: 64 đường Đa Mạn Đông 4, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Bán hàng theo HĐ 16
- Xuất tại kho: **HH - Kho hàng hóa**

Stt	Tên,nhãn hiệu,quy cách phẩm chất vật tư,dụng cụ sản phẩm,hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Màn hình HP V194 18,5Inch Monitor_v5e94aa	MANHINHHPV	cái	1,00		1.340.000	1.340.000
	Cộng tiền hàng						1.340.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kiều

THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG

Nguyễn Tuấn

Hình 2. 12 Phiếu xuất kho số P XK/25/045

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Vật tư: Màn hình HP V194 18,5Inch Monitor_v5e94aa (MANHINHHPV194 18.5INCH)

Đơn vị tính: cái

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản Đ/ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày,tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5 = 1 x 4	6	7 = 1 x 6	E
		Số dư đầu kỳ (MANHINHHPV194 18.5INCH)							6,00	8.040.000	
P XK/25/020	22/05/2025	Bán hàng theo HĐ 20	6321	1.340.000			1,00	1.340.000	5,00	6.700.000	
P XK/25/045	07/10/2025	Bán hàng theo HĐ 16	6321	1.340.000			1,00	1.340.000	4,00	5.360.000	
		Nhập xuất trong kỳ					2,00	2.680.000			
		Số dư cuối kỳ (MANHINHHPV194 18.5INCH)							4,00	5.360.000	

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kiều

Nguyễn Tuấn

Hình 2. 13 Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
07/01/2025	07/01/2025	PXK/25/001	Bán hàng theo HĐ 1	156	22.724.909	
15/01/2025	15/01/2025	PXK/25/002	Bán hàng theo HĐ 2	156	909.091	
15/01/2025	15/01/2025	PXK/25/003	Bán hàng theo HĐ 3	156	5.300.000	
...	...	...	..	...	...	...
27/02/2025	27/02/2025	PXK/25/010	Bán hàng theo HĐ 10	156	28.081.818	
27/02/2025	27/02/2025	PXK/25/011	Bán hàng theo HĐ 11	156	267.272	
05/03/2025	05/03/2025	PXK/25/012	Bán hàng theo HĐ 12	156	159.627.279	
....	...	..	...	...	..	..
08/04/2025	08/04/2025	PXK/25/018	Bán hàng theo HĐ 18	156	8.679.091	
12/05/2025	12/05/2025	PXK/25/019	Bán hàng theo HĐ 19	156	13.772.728	
...	...	..	...	...	...	...
17/07/2025	17/07/2025	PXK/25/031	Bán hàng theo HĐ 2	156	3.744.999	
....	...	...	..	...	...	...
26/08/2025	26/08/2025	PXK/25/036	Bán hàng theo HĐ 7	156	857.333	
...	...	..	...	...	...	
06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	Bán hàng theo HĐ 15	156	114.884.622	
07/10/2025	07/10/2025	PXK/25/045	Bán hàng theo HĐ 16	156	1.340.000	
28/10/2025	28/10/2025	PXK/25/046	Bán hàng theo HĐ 17	156	49.656.902	
01/11/2025	01/11/2025	PXK/25/047	Bán hàng theo HĐ 18	156	1.203.703	
03/11/2025	03/11/2025	PXK/25/048	Bán hàng theo HĐ 19	156	12.685.185	
02/12/2025	02/12/2025	PXK/25/049	Bán hàng theo HĐ 21	156	3.818.182	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/002	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		949.069.563
			Cộng phát sinh trong kỳ		949.069.563	949.069.563
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng			Người ghi sổ			
(Kí ghi rõ họ và tên)			(Kí ghi rõ họ và tên)			

Bảng 2.4 Trích từ sổ chi tiết TK 6321 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT					Mẫu số S20 - DNN			
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng					Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC			
					Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 6321: Giá vốn hàng hóa								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
07/01/2025	07/01/2025	PXK/25/001	Bán hàng theo HĐ 1	156	22.724.909		22.724.909	
15/01/2025	15/01/2025	PXK/25/002	Bán hàng theo HĐ 2	156	909.091		23.634.000	
..	...	...	...	...	...	...	...	...
14/02/2025	14/02/2025	PXK/25/007	Bán hàng theo HĐ 7	156	28.145.454		67.306.727	
20/02/2025	20/02/2025	PXK/25/009	Bán hàng theo HĐ 9	156	11.141.818		78.448.545	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/03/2025	21/03/2025	PXK/25/014	Bán hàng theo HĐ 14	156	318.181		281.367.130	
29/03/2025	29/03/2025	PXK/25/015	Bán hàng theo HĐ 15	156	3.136.365		284.503.495	
02/04/2025	02/04/2025	PXK/25/016	Bán hàng theo HĐ 16	156	51.318.182		335.821.677	
..	...	...	...	...	...	...	...	...
03/06/2025	03/06/2025	PXK/25/022	Bán hàng theo HĐ 23	156	3.727.273		364.013.496	
...	...	...		...	..	...	...	...
19/06/2025	19/06/2025	PXK/25/026	Bán hàng theo HĐ 27	156	5.382.121		375.936.528	
19/06/2025	19/06/2025	PXK/25/027	Bán hàng theo HĐ 1	156	159.091		376.095.619	
26/08/2025	26/08/2025	PXK/25/037	Bán hàng theo HĐ 8	156	122.091		647.956.702	
25/09/2025	25/09/2025	PXK/25/039	Bán hàng theo HĐ 10	156	7.109.259		655.065.961	
...	...	...	...	...	...	...		
06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	Bán hàng theo HĐ 15	156	114.884.622		811.031.858	
07/10/2025	07/10/2025	PXK/25/045	Bán hàng theo HĐ 16	156	1.340.000		812.371.858	
28/10/2025	28/10/2025	PXK/25/046	Bán hàng theo HĐ 17	156	49.656.902		862.028.760	
01/11/2025	01/11/2025	PXK/25/047	Bán hàng theo HĐ 18	156	1.203.703		863.232.463	
...	...	...	...	...		...	...	...
08/12/2025	08/12/2025	PXK/25/052	Bán hàng theo HĐ 24	156	13.363.637		895.144.079	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/002	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		949.069.563		
			Cộng phát sinh trong kỳ		949.069.563	949.069.563		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng						Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)						(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.5 Trích từ sổ cái TK 632 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Năm 2025, công ty phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.

*** Chi phí bán hàng:**

- + Lương, phụ cấp cho nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh doanh,...
- + Các khoản trích theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của bộ phận bán hàng...

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

- Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp mà không trực tiếp gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm...
- + Gồm chi phí dịch vụ mua ngoài: Cước dịch vụ viễn thông bộ phận bán hàng, dịch, phí dịch vụ ngân hàng, ...
- + Phân bổ chi phí trả trước cho việc mua thiết bị, công cụ dụng cụ.
- * Đối với Phân bổ chi phí trả trước cho việc mua thiết bị, công cụ sử dụng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp. Cuối tháng, kế toán thực hiện phân bổ chi phí trả trước trên phần mềm.

b. Chứng từ sử dụng.

*** Chi phí bán hàng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng chấm công

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

- Phiếu chi, Hóa đơn GTGT, sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết và các chứng từ liên quan khác.

c. Tài khoản sử dụng.

*** Chi phí bán hàng.**

Công ty sử dụng TK 6421- Chi phí bán hàng để hạch toán chi phí bán hàng của Công ty. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty dùng TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

d. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết TK 6421
- Sổ chi tiết TK 6422
- Sổ cái TK 642
- Sổ nhật ký chung

e. Trình tự ghi sổ.

*** Trường hợp chi phí cụ thể**

Trường hợp 1 – Chi phí phần mềm F CHAT: Ngày 31/03/2025 Công ty chi tiền mua phần mềm F chat theo hoá đơn GTGT 84. Căn cứ vào hoá đơn GTGT 84 và phiếu chi, kế toán hạch toán phiếu chi tiền mặt trên phần mềm. (Phần mềm F chat dùng mục đích Fchat là phần mềm chatbot bán hàng tự động cho Fanpage, Zalopage và Website. Fchat giúp tăng doanh số, tiết kiệm tiền quảng cáo, bán hàng tự động và chăm sóc khách hàng 24/7)



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TSM
Số: 84

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

MCCQT: 0058FB3D35FC2542359F9B01376E2D34BE

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP UNICA

Mã số thuế: 0108156901

Địa chỉ: Tầng 3, số 247 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967558372

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401422087

Địa chỉ: 354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Phần mềm F chat gói Pro	Tháng	12	290.000	0	KCT	3.480.000

Hình 2. 14 Hoá đơn GTGT đầu vào số 84

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	3.480.000
KCT	3.480.000	0	Tổng giảm trừ không chịu thuế	0
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng giảm trừ khác	0
			Tổng tiền thanh toán bằng số	3.480.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP UNICA

Ký ngày: 2025-03-31 09:39:41

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình 2. 15 Hoá đơn GTGT đầu vào số 84

Phiếu chi tiền mặt

Ngày chứng từ: 31/03/2025

Khoá Sổ cái ADMIN

Số: PC/25/014 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: UNICA CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP UNICA
Ông bà: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP UNICA Địa chỉ: iấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
Diễn giải (VN): CHI tiền phần mềm Fchat HĐ 84

	P S	Tài khoản	Ttệ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	6421	VND	3.480.000,00	1	3.480.000				CHI tiền phần mềm Fchat HĐ 84
2	C	1111	VND	3.480.000,00	1	3.480.000				CHI tiền phần mềm Fchat HĐ 84

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 3.480.000,00 3.480.000
Phát sinh có: 3.480.000,00 3.480.000

Hình 2.16 Phiếu chi tiền mặt PC/95/062 theo hóa đơn 84

Kế toán tiến hành tính lương dựa vào bảng chấm công sau đó ghi nhận lên phần mềm kế toán.

Trường hợp 2 - Tính lương và trích bảo hiểm Ngày 30/11/2025 Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt tiến hành tính lương tháng 11 cho bộ phận bán hàng với tổng số tiền tính lương là 5.088.000 VND và trích bảo hiểm cho bộ phận bán hàng.

Căn cứ vào bảng lương nhân viên công ty, kế toán tiến hàng nhập lên phần mềm, vào phần hành “Kế toán tổng hợp” sau đó chọn “phiếu kế toán”. Chi phí lương cho lương của bộ phận bán hàng được hạch toán vào tài khoản 6421. Chi phí lương của bộ phận quản lý được hạch toán vào tài khoản 6422.

Ví dụ minh họa: Tính lương nhân viên bán hàng Lê Việt Quốc Long Lương nhân viên bán hàng cơ bản: 5.000.000 VND

Tổng ngày công : 21 ngày $\rightarrow$ Lương thực tế $= \frac{5.000.000}{25} \times 21 = 4.038.000$ VND

Tổng lương = lương thực tế + phụ cấp (Tiền ăn) $= 4.038.000 + 1.050.000 = 5.088.000$ VND

Thực lĩnh = Tổng lương – Các khoản trích trừ vào lương

$= 5.088.000 - 0 = 5.088.000$ VND

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/11/2025

Số: PKT/25/040

Đối tượng: PHATTUANDAT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT

Diễn giải (VN): Tính lương tháng 11

Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tiền tệ: VND

P	S	Tài khoản	Tt	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	6421	VND	5.088.000,00	1	5.088.000				Tính lương tháng 11
2	N	6422	VND	9.297.000,00	1	9.297.000				Tính lương tháng 11
3	C	334	VND	14.385.000,00	1	14.385.000				Tính lương tháng 11

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo: chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 14.385.000,00

Phát sinh có: 14.385.000,00

6421 - Chi phí bán hàng || Dư nợ: 3.480.000

Hình 2.17 Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 11

Hạch toán nghiệp vụ tính lương cho bộ phận bán hàng, quản lý kinh doanh tháng 11 năm 2025:

- Trích BHXH, BHYT, BHTN bộ phận quản lý kinh doanh đưa vào chi phí của doanh nghiệp, Bộ phận quản lý kinh doanh 2 người với mức lương cơ bản để trích là 4.500.000 VND

+ Hạch toán trích BHXH, BHYT, BHTN bộ phận quản lý kinh doanh đưa vào chi phí như sau:

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/11/2025 Khóa Sổ cái ADMIN

Số: PKT/25/038 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: PHATTUANDAT **CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11

	P S	Tài khoản	Tt	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	6422	VND	1.935.000,00	1	1.935.000				Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN ...
2	C	3383	VND	1.575.000,00	1	1.575.000				Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN ...
3	C	3384	VND	270.000,00	1	270.000				Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN ...
4	C	3385	VND	90.000,00	1	90.000				Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN ...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 1.935.000,00 1.935.000

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 1.935.000,00 1.935.000

6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp || Dư nợ: 148.630.082

Hình 2.18 Phiếu kế toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận QLDN

- Hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương của người lao động:

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 30/11/2025 Khoá SỔ CÁI ADMIN

Số: PKT/25/039 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: PHATTUANDAT CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lương NLĐ 11

	P	S	Tài khoản	Ttệ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	334	VND	945.000,00	1	945.000					Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lư...
2	C	3383	VND	720.000,00	1	720.000					Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lư...
3	C	3384	VND	135.000,00	1	135.000					Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lư...
4	C	3385	VND	90.000,00	1	90.000					Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lư...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 945.000,00 / 945.000

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 945.000,00 / 945.000

334 - Phải trả người lao động | Dư có: 16.430.000

Hình 2.19 Phiếu kế toán trích BHXH, BHYT, BHTN từ lương NLĐ

*Hạch toán trả lương cho người lao động

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,...



BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ HÒA CƯỜNG

Mẫu C12-TS
 (Ban hành kèm theo QĐ số 505/QĐ-BHXH
 ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt
 Địa chỉ: 354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành
 phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Mã đơn vị: TE1521E Điện thoại: 0975770143

Bảo hiểm Xã hội cơ sở Hòa Cường thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ, BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	Kỳ trước mang sang						
1	Số lao động	2	2	2	2	2	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu						
3	Thiếu lãi						
B	Phát sinh trong kỳ	270,000	1,980,000	405,000	180,000	45,000	2,880,000
1	Số lao động						
1.1	Tăng						
1.2	Giảm						
2	Quỹ lương	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	
2.1	Tăng						
2.2	Giảm						
3	Phải đóng	270,000	1,980,000	405,000	180,000	45,000	2,880,000
3.1	Tăng						
3.2	Giảm						
4	Điều chỉnh phải đóng kỳ trước						
4.1	Tăng						
	Trong đó: năm trước						
4.2	Giảm						
	Trong đó: năm trước						
4.3	Điều chỉnh						
5	Lãi						
5.1	Số tiền tính lãi						
5.2	Tỷ lệ tính lãi	0.644	0.644	0.986	0.644	0.644	
5.3	Tổng tiền lãi						
C	Số tiền đã nộp trong kỳ						
D	Phân bổ tiền đóng						
1	Phải đóng						
2	Tiền lãi						

Hình 2.20 Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Đ	Chuyển kỳ sau	270,000	1,980,000	405,000	180,000	45,000	2,880,000
1	Số lao động	2	2	2	2	2	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu	270,000	1,980,000	405,000	180,000	45,000	2,880,000
3	Thiếu lãi						

- a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 10/2025
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 10/2025
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 10/2025
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 2 lao động đến hết tháng 10/2025
đ) Tổng số nợ thiếu là 2,880,000 đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH trước ngày 01/01/2026
- Số tài khoản 2004202917045, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, CN Sơn Trà Đà Nẵng;
- Số tài khoản 917065000002, tại Ngân hàng TMCP Công thương, Đà Nẵng;
- Số tài khoản 0041000269469, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng;
- Số tài khoản 5619848048, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Đà Nẵng.
e) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm Xã hội cơ sở Hòa Cường để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 01/01/2026. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Kim Hoa



Hình 2.21 Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BTTNLĐ, BNN

Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... để lưu trữ.

* Đối với chi phí vận chuyển chi phí này thường được thanh toán bằng tiền mặt, vì vậy kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu chi để hạch toán lên phần mềm kế toán 3TSOFT.

Ví dụ:

Ngày 02/11/2025 Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt thanh toán tiền cước viễn thông **theo HD 1459731** với số tiền 180.000 VNĐ đã bao gồm thuế VAT. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.



Mẫu số 1

Ký hiệu: K25DAC

Số: 1459731

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 11 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

Mã số thuế: 0100109106

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH Phát Tuấn Đạt

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401422087

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1								10%	163.636

Hình 2.22 Hóa đơn GTGT đầu vào số 1459731

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	163.636
	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	16.364
	Tổng tiền phí	
	Tổng tiền chiết khấu thương mại	
	Tổng tiền thanh toán bằng số	180.000
	Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình 2.23 Hóa đơn GTGT đầu vào số 1459731

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT					Mẫu số S20 - DNN			
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng					Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC			
					Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/03/2025	31/03/2025	PC/25/014	Chi tiền phần mềm Fchat HD 84	1111	3.480.000		3.480.000	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/040	Tính lương tháng 11	334	5.088.000		8.568.000	
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/044	Tính lương tháng 12	334	4.750.000		13.318.000	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	911		13.318.000		
			Cộng phát sinh trong kỳ		13.318.000	13.318.000		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng						Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)						(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.8 Trích từ sổ chi tiết tài khoản TK 6421 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT							Mẫu số S20 - DNN	
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng							Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC	
							Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
..	...	...	...	...	...			
28/02/2025	28/02/2025	PKT/25/007	Tính lương tháng 2	334	9.579.000		29.963.158	
14/03/2025	14/03/2025	BN/25/018	Phí duy trì SMS tháng 3	11211-AGRIBANK	55.000		30.018.158	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10/2025	31/10/2025	PKT/25/036	Tính lương tháng 10	334	10.323.000		138.361.867	
02/11/2025	02/11/2025	BN/25/084	Chi tiền gói SME online	11212-VIETCOMBANK	24.700		138.386.567	
02/11/2025	02/11/2025	PC/25/064	Chi tiền cước viễn thông theo HD 1459731	1111	163.636		138.550.203	
...	...	...	...	...	...	...	...	
30/11/2025	30/11/2025	PB/25/011	Chi phí trả trước	242	403.079		139.333.082	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3383	1.575.000		140.908.082	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3384	270.000		141.178.082	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3385	90.000		141.268.082	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/141/016	Tính lương tháng 11	334	9.297.000		150.565.082	
02/12/2025	02/12/2025	BN/25/096	Chi tiền gói SME online	11212-VIETCOMBANK	100.824		150.665.906	
02/12/2025	02/12/2025	PC/25/068	Chi tiền cước viễn thông theo HD 19919730	1111	141.818		150.807.724	
...	...	...	...				...	
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/044	Tính lương tháng 12	334	11.440.000		164.809.979	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	911		164.809.979		
			Cộng phát sinh trong kỳ		164.809.979	164.809.979		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng							Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)							(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.9 Trích từ sổ chi tiết tài khoản TK 6422 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/01/2025	01/01/2025	PKT/25/001	Lệ phí môn bài phải nộp năm 2025	3339	2.000.000	
..	..			...	...	...
31/03/2025	31/03/2025	PB/25/003		242	403.079	
31/03/2025	31/03/2025	PC/25/014	Chi tiền phần mềm Fchat HĐ 84	1111	3.480.000	
...	...	...	...	...	...	...
02/11/2025	02/11/2025	BN/25/084	Chi tiền gói SME online	11212-VIETCOMBANK	24.700	
02/11/2025	02/11/2025	PC/25/064	Chi tiền cước viễn thông theo HĐ 1459731	1111	163.636	
...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	04/11/2025	BN/25/089	Phí mua 1 cuốn séc	11211-AGRIBANK	20.000	
25/11/2025	25/11/2025	BN/25/093	Phí QLTK	11211-AGRIBANK	10.000	
30/11/2025	30/11/2025	PB/25/011		242	403.079	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3383	1.575.000	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3384	270.000	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng Tháng 11	3385	90.000	
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/040	Tính lương tháng 11	334	14.385.000	
02/12/2025	02/12/2025	BN/25/096	Chi tiền gói SME online	11212-VIETCOMBANK	100.824	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	911		178.127.979
			Cộng phát sinh trong kỳ		178.127.979	178.127.979
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.10 Trích từ sổ cái TK 642 từ ngày 01/01/2025 đến này 31/12/2025

2.2.2 Kế toán hoạt động tài chính.

2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

a. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng.

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có

c. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công ty sử dụng TK 5154 “Doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

d. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết tài khoản 5154
- Sổ cái tài khoản 515
- Sổ nhật ký chung

e. Trình tự ghi sổ.

+ Vào cuối mỗi tháng kế toán mang giấy giới thiệu có chữ ký của giám đốc tới ngân hàng để in sổ phụ về đối chiếu số liệu.

+ Căn cứ vào Giấy báo có lãi tiền gửi, Sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán 3TSOFT. Kế toán chỉ nhập các ô ngày chứng từ, đối tượng, diễn giải, tài khoản nợ có, số tiền theo trên giấy báo có hoặc sao kê ngân hàng. Sau khi nhập liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhập số liệu lên các sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái tài khoản 515.

Ví dụ: Ngày 25/10/2025 công ty nhận Giấy báo Có nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Đà Nẵng (VCB). Số tiền lãi công ty nhận được là 386 đồng

Hằng ngày căn cứ vào giấy báo có ngân hàng Vietcombank kế toán tiến hành ghi nhận lãi tiền gửi vào phân hệ báo có trên phần mềm. Vào phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi chọn báo có và nhập thông tin đầy đủ sẽ có được giao diện như sau:

Báo có

Ngày chứng từ

25/10/2025

Khoá

Sổ cái

ADMIN

Số

BC/25/061

Tiền tệ

VND

1

Bộ phận

Hợp đồng

Đối tượng

VIETCOMBANK

Vietcombank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn

Ông bà

Vietcombank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn

Địa chỉ

Diễn giải (VN)

Lãi tiền gửi

	P	S	Tài khoản	Ttệ	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		11212-VIET...	VND	386,00	1	386		Lãi tiền gửi
2	C		5154	VND	386,00	1	386		Lãi tiền gửi

Chi phí không hợp lệ

Doanh thu chưa hạch toán

Kèm theo

chứng từ gốc.

Phát sinh nợ

386,00

386

Phát sinh có

386,00

386

11212-VIETCOMBANK - Tiền gửi ngân hàng Vietcombank

Dư có: 386

Hình 2.26 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 25/10/2025

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
44	25/09/2025 5222.56676	1.340.000	KHATTINH	1.182.839	MBBIZ6045726126.056676.hd 00001974
45	25/09/2025 5390.17953		39.800.000	40.982.839	020097041509251545412025XEBI691153 .17953.154542.Qualitia Company:Payment for PC
46	25/09/2025 9708.1048706789		1.475	40.984.314	INTEREST PAYMENT
47	26/09/2025 5136.56590	40.900.000		84.314	MBBIZ6045756590.nguyen tuan rut tien nhap qui
48	27/09/2025 5211.6994		8.000.000	8.084.314	0200970407092710064120251001453153. 6994.100641.Cong ty Proshow tt hd so 10 cho cty Phat Tuan Dat
49	27/09/2025 5136.43603	8.000.000		84.314	MBBIZ6045843603.nguyen tuan rut tien nhap qui
50	30/09/2025 5388.65892		14.500.000	14.584.314	0200970415093018421220250pNJ745684 .65892.184212.cty Tu Dai Nam tt tien mua hang
51	02/10/2025 5240.96427		60.000.000	74.584.314	MBVCB.11138358449.NGUYEN TUAN chuyen tien nhap qui .CT tu 1806456789 NGUYEN TUAN toi 1048706789 CONG TY TNHH PHAT TUAN DAT
52	02/10/2025 5136.37717	27.360.000	VISCOM	47.224.314	MBBIZ6046137717.CONG TY TNHH PHAT TUAN DAT thanh tien hd 5013
53	02/10/2025 5136.37854	13.324.985	VISCOM	33.899.329	MBBIZ6046137854.CONG TY TNHH PHAT TUAN DAT hd 3872
54	02/10/2025 5136.37959	11.400.015	VISCOM	22.499.314	MBBIZ6046137959.CONG TY TNHH PHAT TUAN DAT 2464
55	02/10/2025 5136.39173	22.400.000		99.314	MBBIZ6046139173.nguyen tuan rut tien nhap qui
56	02/10/2025 9406.1048706789	99.314			GOI SME ONLINE
57	13/10/2025 5426.57841		146.640.000	146.640.000	S286IBT1JW2G5IH.X.TRUONG QUOC VIET TT THEO HD SO 15-131025-11:25:47 749666.20251013.112547.173017999.TR UONG TRUNG CAP KTE KY THUAT QUOC VIET.970416
58	13/10/2025 5136.76463	146.600.000		40.000	MBBIZ6046776463.nguyen tuan rut tien nhap qui
59	13/10/2025 9403.1048706789	40.000			CARRY FORWARD SERVICE CHARGE
60	25/10/2025 9401.1048706789	386		-386	CARRY FORWARD SERVICE CHARGE
61	25/10/2025 9702.1048706789		386		INTEREST PAYMENT

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54.54.13

Page 4 of 6

Hình 2.27 Sổ phụ ngân hàng Vietcombank lãi tiền gửi ngày 25/10/202

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... để lưu trữ.

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT					Mẫu số S20 - DNN			
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng					Ban hành theo TT số 133/2016/TT-B			
					Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 5154: Doanh thu hoạt động tài chính								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
25/01/2025	25/01/2025	BC/25/003	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		92		92
31/01/2025	31/01/2025	BC/25/004	Lãi tiền gửi tháng 1	11211-AGRIBANK		301		393
25/02/2025	25/02/2025	BC/25/010	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		240		633
28/02/2025	28/02/2025	BC/25/012	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		483		1.116
25/03/2025	25/03/2025	BC/25/016	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		15		1.131
...	...	..	..	..	...	...	...	...
25/07/2025	25/07/2025	BC/25/035	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		579		4.177
31/07/2025	31/07/2025	BC/25/037	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		77		4.254
25/08/2025	25/08/2025	BC/25/048	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		2.164		6.418
31/08/2025	31/08/2025	BC/25/050	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		66		6.484
25/09/2025	25/09/2025	BC/25/055	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		1.475		7.959
30/09/2025	30/09/2025	BC/25/057	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		53		8.012
25/10/2025	25/10/2025	BC/25/061	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		386		8.398
31/10/2025	31/10/2025	BC/25/066	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		383		8.781
25/11/2025	25/11/2025	BC/25/072	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		624		9.405
30/11/2025	30/11/2025	BC/25/073	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		3.642		13.047
31/12/2025	31/12/2025	BC/25/081	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		1.533		14.580
31/12/2025	31/12/2025	BC/25/083	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		765		15.345
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/004	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	15.345			
			Cộng phát sinh trong kỳ		15.345	15.345		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng							Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)							(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.11 Trích từ sổ chi tiết TK 5154 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 515: Doanh thu tài chính						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01/2025	25/01/2025	BC/25/003	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		92
31/01/2025	31/01/2025	BC/25/004	Lãi tiền gửi tháng 1	11211-AGRIBANK		301
25/02/2025	25/02/2025	BC/25/010	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		240
28/02/2025	28/02/2025	BC/25/012	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		483
25/03/2025	25/03/2025	BC/25/016	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		15
31/03/2025	31/03/2025	BC/25/017	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		410
25/04/2025	25/04/2025	BC/25/020	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		14
30/04/2025	30/04/2025	BC/25/021	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		365
25/05/2025	25/05/2025	BC/25/026	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		348
31/05/2025	31/05/2025	BC/25/028	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		577
25/06/2025	25/06/2025	BC/25/030	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		175
30/06/2025	30/06/2025	BC/25/031	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		578
25/07/2025	25/07/2025	BC/25/035	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		579
31/07/2025	31/07/2025	BC/25/037	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		77
25/08/2025	25/08/2025	BC/25/048	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		2.164
31/08/2025	31/08/2025	BC/25/050	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		66
25/09/2025	25/09/2025	BC/25/055	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		1.475
30/09/2025	30/09/2025	BC/25/057	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		53
25/10/2025	25/10/2025	BC/25/061	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		386
31/10/2025	31/10/2025	BC/25/066	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		383
25/11/2025	25/11/2025	BC/25/072	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		624
30/11/2025	30/11/2025	BC/25/073	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		3.642
31/12/2025	31/12/2025	BC/25/081	Lãi tiền gửi	11212-VIETCOMBANK		1.533
31/12/2025	31/12/2025	BC/25/083	Lãi tiền gửi	11211-AGRIBANK		765
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/004	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	15.345	
			Cộng phát sinh trong kỳ		15.345	15.345
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.12 Trích từ sổ cái TK 515 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.

Trong năm 2025 Công ty không phát sinh nghiệp vụ chi phí tài chính nên Công ty không hạch toán chi phí tài chính.

2.2.3. Kế toán hoạt động khác.

2.2.3.1. Kế toán thu nhập khác.

a. Nội dung kế toán thu nhập khác.

Trong quá trình hoạt động công ty có các khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên trong quá trình hoạt động, không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hàng hóa khi mua hàng hóa để bảo vệ rủi ro cho công ty khi hàng hóa để lâu không bán được bị giảm giá trị .

b. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thỏa thuận chiết khấu

c. Tài khoản sử dụng.

d. Sổ sách sử dụng.

Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 “Thu nhập khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

e. Trình tự ghi sổ.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TVC
Số: 2674

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 06 năm 2025

MCCQT: 0059D8B19280D44F4EA1E3939FEAC37C09

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN VISCOM

Mã số thuế: 0305716969

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 62 Nguyễn Trường Tộ, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0839200362

Số tài khoản: 112000098956 NH TMCP Công Thương Việt Nam, CN Nam Sài Gòn

Tên người mua: Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt

Mã số thuế: 0401422087

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 354 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Chiết khấu thương mại		Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn kho mã C X200M_B ngày 25/05/2025	Gói		2.045.455	0	10%	2.045.455

Hình 2.28 Hóa đơn GTGT đầu vào số 2674

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	2.045.455
10%	2.045.455	204.545	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	204.545
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	2.045.455
			Tổng tiền thanh toán bằng số	2.250.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN VISCOM

Ký ngày: 2025-06-02 10:00:00

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình 2.29 Hóa đơn GTGT đầu vào số 2674

Phiếu kế toán

Ngày chứng từ: 02/06/2025

Khoá Sổ cái ADMIN

Số: PKT/25/019 Tiền tệ: VND 1

Đối tượng: VISCOM CÔNG TY CỔ PHẦN VISCOM

Ông bà: CÔNG TY CỔ PHẦN VISCOM Địa chỉ: 19 Tô, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Diễn giải (VN): Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn kho HĐ 2674

	P	Tài khoản	Tt	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	Diễn giải (VN)
1	N	331	VND	2.250.000,00	1	2.250.000	VISCOM			Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn...
2	C	711	VND	2.045.455,00	1	2.045.455				Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn...
3	C	1331	VND	204.545,00	1	204.545				Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn...

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 2.250.000,00 2.250.000

Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 2.250.000,00 2.250.000

331 - Phải trả cho người bán || Dư có: 78.899.827

Hình 2.30 Giao diện phiếu kế toán ghi nhận chiết khấu thương mại HĐ 2674

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... để lưu trữ.

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT						Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng						Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
						Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính		
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 711: Thu nhập khác								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
02/06/2025	02/06/2025	PKT/25/019	Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn kho HĐ 2674	331		2.045.455		2.045.455
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/005	Kết chuyển thu nhập khác	911	2.045.455			
			Cộng phát sinh trong kỳ		2.045.455	2.045.455		
			Số dư cuối kỳ					
						Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Kế toán trưởng						Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)						(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.13 Trích từ sổ chi tiết TK 711 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 711 : Thu nhập khác						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/06/2025	02/06/2025	PKT/25/019	Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn kho HĐ 2674	331		2.045.455
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/005	Kết chuyển thu nhập khác	911	2.045.455	
			Cộng phát sinh trong kỳ		2.045.455	2.045.455
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.14 Trích từ sổ cái TK 711 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

..... **2.2.3.2. Kế toán chi phí khác.**

a. Nội dung kế toán chi phí khác.

Chi phí khác tại công ty bao gồm các khoản chi phát sinh ngoài dự kiến, không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Một trong những khoản chi phí đó là tiền phạt vi phạm hành chính do nộp chậm bảo hiểm xã hội theo quy định của cơ quan bảo hiểm, nộp chậm thuế thu TNDN,...

b. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ
- Phiếu kế toán
- Hóa đơn mua hàng

c. Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

d. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết TK 8111
- Sổ cái TK 811
- Sổ nhật ký chung

e. Trình tự ghi sổ.

- Sau khi nhận thông báo thanh toán chậm, kế toán tiến hành ghi nhận khoản bị phạt vào phiếu chi tiền mặt.

Ví dụ: Ngày 16/05/2025 Công ty TNHH Phát Tuấn nhận được thông báo tiền thuế nợ từ cơ quan thuế và nhận được giấy báo nợ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Công ty về nộp chậm thuế TNDN. Kế toán vào phân hệ “kế toán tiền mặt, tiền gửi” chọn báo nợ và ghi nhận khoản nộp chậm lên phần mềm kế toán.

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng
Địa chỉ: 470A Le Van Hien, Ngũ hành son, Da nang
Điện thoại/Fax: (84) 0236 3847396/(84) 0236 3836309

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mạng lưới dịch vụ khách hàng

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
31/03/2025	Lãi tiền gửi		410	2,221,916	
25/04/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 04 quy 2 năm 2025	11,000		2,210,916	
30/04/2025	Lãi tiền gửi		365	2,211,281	
15/05/2025	MBVCB.9503051388.796880.NGUYEN TUAN nop tien tai khoang.CT tu 0041000264412 NGUYEN TUAN toi 2006201005799.Cty TNHH Phat Tuan Dat tai AGRIBANK		7,000,000	9,211,281	837177
16/05/2025	Phi DV SMS Banking T04/2025	55,000		9,156,281	
16/05/2025	EATAX NOP THUE DIEN TU MST:0401422087-SO CT:4135571	4,940		9,151,341	18546431
16/05/2025	EATAX NOP THUE DIEN TU MST:0401422087-SO CT:4135681	6,570,863		2,580,478	18555992
25/05/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 05 quy 2 năm 2025	11,000		2,569,478	
26/05/2025	KOHI THANH TOAN CHI PHI MUA MAN HINH LCD CHO CN DA NANG THEO HOA DON SO 4 NGAY 22.01.2025 CUA CTY PHAT TUAN DAT		4,000,000	6,569,478	90630174
31/05/2025	Lãi tiền gửi		577	6,570,055	
04/06/2025	Phi DV SMS Banking T05/2025	55,000		6,515,055	
16/06/2025	NGUYEN TUAN RT	6,000,000		515,055	
25/06/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 06 quy 2 năm 2025	11,000		504,055	
30/06/2025	Lãi tiền gửi		578	504,633	
06/07/2025	Phi DV SMS Banking T06/2025	55,000		449,633	
25/07/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 07 quy 3 năm 2025	11,000		438,633	
31/07/2025	Lãi tiền gửi		77	438,710	
05/08/2025	Phi DV SMS Banking T07/2025	55,000		383,710	
25/08/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 08 quy 3 năm 2025	11,000		372,710	
31/08/2025	Lãi tiền gửi		66	372,776	
04/09/2025	Phi DV SMS Banking T08/2025	55,000		317,776	
25/09/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 09 quy 3 năm 2025	11,000		306,776	
30/09/2025	Lãi tiền gửi		53	306,829	
05/10/2025	Phi DV SMS Banking T09/2025	55,000		251,829	
25/10/2025	Thu phí quản lý tài khoản thang 10 quy 4 năm 2025	11,000		240,829	
31/10/2025	Chi Nhánh Công Nghiệp Hoá Chất Mô Quảng Ngãi CT		61,875,870	62,116,699	45100TT251012854
31/10/2025	Lãi tiền gửi		383	62,117,082	



Phan Văn Hiệp

Website: www.agribank.com.vn.

2/2

Người in: NHSHIEP Thời gian in: 04/11/2025 09:57:33

Hình 2.31 Sao kê ngân hàng AGRIBANK



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: DAN682225
Số: 4135571

Số tham chiếu: 11220250322092006

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Mã số thuế: 0401422087

Địa chỉ: 354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An

Quận/Huyện: Quận Ngũ Hành Sơn

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

trích TK số: 2006201005799

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Quận Cẩm Lệ

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Ngũ Hành Sơn - Đội Thuế liên huyện Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7511532421910001	00/CN/2024	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		4,940	754	4918
Tổng tiền					4,940		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN NGHÌN CHÍN TRĂM BỐN MƯƠI ĐỒNG

**PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI
KHI HẠCH TOÁN**

Hình 2.32 Giấy nộp tiền nộp chậm thuế TNDN

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT						Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng					Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC			
					Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 811: Chi phí khác								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
26/03/2025	26/03/2025	BN/25/021	Lãi chậm nộp thuế GTGT	11211-AGRIBANK	89.841		89.841	
15/05/2025	15/05/2025	PC/25/035	Nộp tiền BHXH	1111	19.932		109.773	
16/05/2025	16/05/2025	BN/25/028	Tiền chậm nộp thuế TNDN	11211-AGRIBANK	4.940		114.713	
12/09/2025	12/09/2025	PC/25/057	Nộp tiền BHXH	1111	19.932		134.645	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/006	Kết chuyển chi phí khác	911		134.645		
			Cộng phát sinh trong kỳ		134.645	134.645		
			Số dư cuối kỳ					
						Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Kế toán trưởng						Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)						(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.15 Trích từ sổ chi tiết TK 811 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT			Mẫu số S20 - DNN			
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng			(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC			
ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 811 : Chi phí khác						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
26/03/2025	26/03/2025	BN/25/021	Lãi chậm nộp thuế GTGT	11211-AGRIBANK	89.841	
15/05/2025	15/05/2025	PC/25/035	Nộp tiền BHXH	1111	19.932	
16/05/2025	16/05/2025	BN/25/028	Tiền chậm nộp thuế TNDN	11211-AGRIBANK	4.940	
12/09/2025	12/09/2025	PC/25/057	Nộp tiền BHXH	1111	19.932	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/006	Kết chuyển chi phí khác	911		134.645
			Cộng phát sinh trong kỳ		134.645	134.645
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.16 Trích từ sổ cái TK 811 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

..... **2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

2.2.4.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

a. Nội dung kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các khoản doanh thu và chi phí hợp lý để tính ra thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập công ty phải đóng làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

b. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

c. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

d. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 821

e. Quy trình ghi sổ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2011/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2011 của Bộ
tư pháp Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: T95 - Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

[07] Mã số thuế: 0401422087

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	20.676.400
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	2.134.645
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	2.134.645
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	22.811.045
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	22.811.045
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	22.811.045
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

Hình 2.35 Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	22.811.045
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	22.811.045
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 15%	C7	22.811.045
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 15\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	3.421.657
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	3.421.657
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	3.421.657
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	3.421.657
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở	G5	0

2/3

Hình 2.36 Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

	hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ		
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	3.421.657
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	3.421.657
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	3.421.657
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiền độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 3.421.657 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT
Ngày ký: 24/03/2026 23:11:00.

Hình 2.37 Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: 03-
 1A/TNDN
 (Ban hành
 kèm theo
 Thông tư số
 80/2021/TT-
 BTC ngày
 29 tháng 9
 năm 2021
 của Bộ
 trưởng Bộ
 Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT
 [03] Mã số thuế: 0401422087

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	1.145.947.787
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	15.345
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	15.345
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	1.127.197.542
a	Giá vốn hàng bán	[13]	949.069.563
b	Chi phí bán hàng	[14]	13.318.000
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	164.809.979
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	18.765.590
7	Thu nhập khác	[19]	2.045.455
8	Chi phí khác	[20]	134.645
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	1.910.810
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	20.676.400

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT
 Ngày ký: 24/03/2026 23:11:00.

1/1

Hình 2.38 Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Cách tính thuế :

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 20.767.400

- **Điều chỉnh tăng tổng LNTT**

$$B1 = B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7$$

$$= 0 + 0 + 2.134.645 + 0 + 0 + 0$$

$$= 2.134.645$$

- **Điều chỉnh giảm tổng LNTT**

$$B8 = B9 + B10 + B11 + B12$$

$$= 0$$

- Tổng thu nhập chịu thuế = Tổng LNKTTT + điều chỉnh tăng LNTT – điều chỉnh giảm LNTT

$$B13 = A1 + B1 - B8$$

$$= 20.076.400 + 2.134.645 - 0$$

$$= 22.811.045$$

- Thu nhập chịu thuế = Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh (C1 = B14)

$$= 22.811.045$$

- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi

$$(C9 = (C7 \times 15\%) + (C8 \times C8a)$$

$$= (22.811.045 \times 15\%) + (0 \times 0)$$

$$= 3.421.657$$

- Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ = 3.421.657

Hình 2.39 Giao diện phiếu kế toán PKT/25/045

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)						
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/045	Thuế TNDN phải nộp năm 2025	3334	3.421.657	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/007	Kết chuyển thuế TNDN	911		3.421.657
			Cộng phát sinh trong kỳ		3.421.657	3.421.657
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.18 Trích từ sổ cái TK 821 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

2.2.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5, 6, 7, 8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán 3TSOFT. các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ cái tài khoản 911

Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:
+ Trên giao diện phần mềm kế toán chọn vào “ Bút toán khóa sổ”.



Hình 2.40 Giao diện bút toán khóa sổ trên phần mềm 3TSOFT

Trên giao diện phần mềm kế toán chọn vào “ Bút toán khóa sổ”

+ Cửa sổ hiện ra, thực hiện kéo chọn dòng thứ 3 đến dòng 10, sau đó bấm vào dấu tích xanh ở trên gần góc trái giao diện của phần mềm hoặc bấm F10 trên bàn phím để thực hiện việc kết chuyển.

+ Sau khi hoàn thành xong kết chuyển cuối kỳ, Để xem bút toán kết chuyển cuối kỳ thì tại phần hành “kế toán tổng hợp” bấm vào “ Chứng từ khóa sổ”.

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá | Sổ cái | ADMIN

Số: KC/25/001

Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Kết chuyển doanh thu

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		5111	1.145.947.787,00	1.145.947.787		Kết chuyển doanh thu
2	C		911	1.145.947.787,00	1.145.947.787		Kết chuyển doanh thu

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 1.145.947.787,00 1.145.947.787

Phát sinh có: 1.145.947.787,00 1.145.947.787

5111 - Doanh thu bán hàng hoá | Dư có: 1.145.947.787

Hình 2.41 Giao diện phiếu kết chuyển doanh thu

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá | Sổ cái | ADMIN

Số: KC/25/002

Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Kết chuyển giá vốn hàng bán

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		911	949.069.563,00	949.069.563		Kết chuyển giá vốn hàng bán
2	C		6321	949.069.563,00	949.069.563		Kết chuyển giá vốn hàng bán

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 949.069.563,00 949.069.563

Phát sinh có: 949.069.563,00 949.069.563

911 - Xác định kết quả kinh doanh | Dư có: 949.069.563

Hình 2.42 Giao diện phiếu kết chuyển giá vốn

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: KC/25/003 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Chi phí quản lý kinh doanh

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	911		13.318.000,00	13.318.000		Chi phí quản lý kinh doanh
2	C	6421		13.318.000,00	13.318.000		Chi phí quản lý kinh doanh
3	N	911		164.809.979,00	164.809.979		Chi phí quản lý kinh doanh
4	C	6422		164.809.979,00	164.809.979		Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 178.127.979,00 178.127.979

Phát sinh có: 178.127.979,00 178.127.979

911 - Xác định kết quả kinh doanh || Dư có: 13.318.000

Hình 2.43 Giao diện phiếu kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Khoá: Sổ cái ADMIN

Số: KC/25/004 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N	5154		15.345,00	15.345		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
2	C	911		15.345,00	15.345		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí không hợp lệ:

Doanh thu chưa hạch toán:

Kèm theo chứng từ gốc.

Phát sinh nợ: 15.345,00 15.345

Phát sinh có: 15.345,00 15.345

5154 - Doanh thu từ lãi tiền gửi || Dư có: 15.345

Hình 2.44 Giao diện phiếu kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá SỔ cái ADMIN

Số: KC/25/005 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT **CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Kết chuyển thu nhập khác

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		711	2.045.455,00	2.045.455		Kết chuyển thu nhập khác
2	C		911	2.045.455,00	2.045.455		Kết chuyển thu nhập khác

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 2.045.455,00 2.045.455
 Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 2.045.455,00 2.045.455

711 - Thu nhập khác || Dư có: 2.045.455

Hình 2.45 Giao diện phiếu kết chuyển thu nhập khác

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá SỔ cái ADMIN

Số: KC/25/006 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:

Hợp đồng:

Đối tượng: PHATTUANDAT **CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**

Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Diễn giải (VN): Kết chuyển chi phí khác

	P	S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
▶ 1	N		911	134.645,00	134.645		Kết chuyển chi phí khác
2	C		811	134.645,00	134.645		Kết chuyển chi phí khác

Chi phí không hợp lệ: Kèm theo chứng từ gốc. Phát sinh nợ: 134.645,00 134.645
 Doanh thu chưa hạch toán: Phát sinh có: 134.645,00 134.645

911 - Xác định kết quả kinh doanh || Dư có: 134.645

Hình 2.46 Giao diện phiếu kết chuyển chi phí khác

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá Sổ cái ADMIN

Số: KC/25/007 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: PHATTUANDAT **CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**
Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Diễn giải (VN): Kết chuyển thuế TNDN

	P S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
► 1	N	911	3.421.657,00	3.421.657		Kết chuyển thuế TNDN
2	C	821	3.421.657,00	3.421.657		Kết chuyển thuế TNDN

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 3.421.657,00 3.421.657
Phát sinh có: 3.421.657,00 3.421.657

911 - Xác định kết quả kinh doanh || Dư có: 3.421.657

Hình 2.47 Giao diện phiếu kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp

Phiếu kết chuyển tổng hợp

Ngày chứng từ: 31/12/2025 Khoá Sổ cái ADMIN

Số: KC/25/008 Tiền tệ: VND 1

Bộ phận:
Hợp đồng:
Đối tượng: PHATTUANDAT **CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT**
Ông bà: CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT Địa chỉ: Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Diễn giải (VN): Kết chuyển lãi, lỗ

	P S	Tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Diễn giải (VN)
► 1	N	911	17.254.743,00	17.254.743		Kết chuyển lãi, lỗ
2	C	4212	17.254.743,00	17.254.743		Kết chuyển lãi, lỗ

Chi phí không hợp lệ:
Doanh thu chưa hạch toán:
Kèm theo chứng từ gốc.
Phát sinh nợ: 17.254.743,00 17.254.743
Phát sinh có: 17.254.743,00 17.254.743

911 - Xác định kết quả kinh doanh || Dư có: 17.254.743

Hình 2.48 Giao diện phiếu kết chuyển lãi, lỗ

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.145.947.787
Giá vốn hàng bán	949.069.563
Doanh thu hoạt động tài chính	15.345
Chi phí bán hàng	13.318.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	164.809.979
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.421.657
Thu nhập khác	2.045.455
Chi phí khác	134.645

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo công thức:

$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$
--

$$= 1.145.947.787 - 0$$

$$= \mathbf{1.145.947.787}$$

+ Lợi nhuận gộp xác định theo công thức:

$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$

$$= 1.145.947.787 - 949.069.563$$

$$= \mathbf{196.878.224}$$

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh xác định theo công thức:

$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$
--

$$= 1.145.947.787 - 949.069.563 + 15.345 - 0 - 178.127.979$$

$$= \mathbf{18.765.590}$$

+ Lợi nhuận khác xác định theo công thức:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

$$= 2.045.455 - 134.645$$

$$= \mathbf{1.910.810}$$

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế xác định theo công thức:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	--	---	----------------

$$= \mathbf{18.765.590 + 1.910.810}$$

$$= \mathbf{20.676.400}$$

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp xác định theo công thức:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
--	---	---	---	---------------------------------------

$$= \mathbf{20.676.400 - 3.421.657}$$

$$= \mathbf{17.254.743}$$

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,...

Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... để lưu trữ.

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT					Mẫu số S20 - DNN			
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng					Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC			
					Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/002	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6321	949.069.563		949.069.563	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	6421	13.318.000		962.387.563	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	6422	164.809.979		1.127.197.542	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/006	Kết chuyển chi phí khác	811	134.645		1.127.332.187	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/007	Kết chuyển thuế TNDN	821	3.421.657		1.130.753.844	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/008	Kết chuyển lãi, lỗ	4212	17.254.743		1.148.008.587	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/001	Kết chuyển doanh thu	5111		1.145.947.787	2.060.800	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/004	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	5154		15.345	2.045.455	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/005	Kết chuyển thu nhập khác	711		2.045.455		
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.148.008.587	1.148.008.587		
			Số dư cuối kỳ					
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Kế toán trưởng						Người ghi sổ		
(Kí ghi rõ họ và tên)						(Kí ghi rõ họ và tên)		

Bảng 2.19 Trích từ sổ chi tiết TK 911 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẦN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/002	Kết chuyển giá vốn hàng bán	6321	949.069.563	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	6421	13.318.000	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh	6422	164.809.979	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/006	Kết chuyển chi phí khác	811	134.645	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/007	Kết chuyển thuế TNDN	821	3.421.657	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/008	Kết chuyển lãi, lỗ	4212	17.254.743	
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/001	Kết chuyển doanh thu	5111		1.145.947.787
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/004	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	5154		15.345
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/005	Kết chuyển thu nhập khác	711		2.045.455
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.148.008.587	1.148.008.587
			Số dư cuối kỳ			
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Kế toán trưởng					Người ghi sổ	
(Kí ghi rõ họ và tên)					(Kí ghi rõ họ và tên)	

Bảng 2.20 Trích từ sổ cái tài khoản 911 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT				Mẫu số S20 - DNN		
354 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của bộ tài chính)		
SỔ NHẬT KÍ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
01/01/2025	01/01/2025	PC/25/001	Điều chỉnh thuế GTGT sai sót kỳ tính thuế trước 2020			
			Thuế GTGT đầu ra	33311	1.363.177	
			Tiền mặt	1111		1.363.177
01/01/2025	01/01/2025	PKT/25/001	Lệ phí môn bài phải nộp năm			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.000.000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải	3339		2.000.000
01/01/2025	01/01/2025	PKT/25/002	Kết chuyển lãi năm trước			
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	31.565.297	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211		31.565.297
03/01/2025	03/01/2025	BN/25/001	Phí duy trì SMS tháng 1			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	55.000	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		55.000
...	...	...	...	...	...	
29/03/2025	29/03/2025	PT/25/008	Bán hàng theo HĐ 15			
			Tiền mặt	1111	5.100.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		4.636.364
			Thuế GTGT đầu ra	33311		463.636
29/03/2025	29/03/2025	PXK/25/015	Bán hàng theo HĐ 15			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	3.136.365	
			Hàng hoá	156		3.136.365
31/03/2025	31/03/2025	BC/25/017	Lãi tiền gửi			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK	410	
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		410
31/03/2025	31/03/2025	PB/25/003				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	403.079	
			Chi phí trả trước dài hạn	242		403.079
31/03/2025	31/03/2025	PC/25/013	Chi lương tháng 3			
			Phải trả người lao động	334	8.915.000	
			Tiền mặt	1111		8.915.000
31/03/2025	31/03/2025	PC/25/014	Chi tiền phần mềm Fchat HĐ 84			
			Chi phí bán hàng	6421	3.480.000	
			Tiền mặt	1111		3.480.000
31/03/2025	31/03/2025	PKT/25/009	Kết chuyển thuế GTGT Q1			
			Thuế GTGT đầu ra	33311	30.185.934	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331		30.185.934

Bảng 2.21 Trích từ sổ nhật kí chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

16/05/2025	16/05/2025	BN/25/027	Phí duy trì SMS tháng 4			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	55.000	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		55.000
16/05/2025	16/05/2025	BN/25/028	Tiền chấp nộp thuế TNDN			
			Chi phí khác	811	4.940	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		4.940
16/05/2025	16/05/2025	BN/25/029	Nộp thuế GTGT q1/2025			
			Thuế GTGT đầu ra	33311	6.570.863	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		6.570.863
19/05/2025	19/05/2025	PC/25/036	Nhập mua hàng hóa theo HD			
			Hàng hoá	156	8.590.909	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	859.091	
			Tiền mặt	1111		9.450.000
20/05/2025	20/05/2025	BC/25/024	Nộp tiền mặt vào tài khoản			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	57.000.000	
			Tiền mặt	1111		57.000.000
21/05/2025	21/05/2025	BC/25/025	Nộp tiền mặt vào tài khoản			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	20.500.000	
			Tiền mặt	1111		20.500.000
21/05/2025	21/05/2025	BN/25/030	Thanh toán công nợ theo HD			
			Phải trả cho người bán	331	56.450.000	
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK		56.450.000
21/05/2025	21/05/2025	BN/25/031	Thanh toán công nợ			
			Phải trả cho người bán	331	20.109.991	
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK		20.109.991
21/05/2025	21/05/2025	PN/25/033	Nhập mua hàng hóa theo HD			
			Hàng hoá	156	10.363.650	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	1.036.365	
			Phải trả cho người bán	331		11.400.015
22/05/2025	22/05/2025	PT/25/011	Bán hàng theo HD 20			
			Tiền mặt	1111	3.000.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		2.727.273
			Thuế GTGT đầu ra	33311		272.727
22/05/2025	22/05/2025	PXK/25/020	Bán hàng theo HD 20			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	1.340.000	
			Hàng hoá	156		1.340.000
25/05/2025	25/05/2025	BC/25/026	Lãi tiền gửi			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	348	
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		348
25/05/2025	25/05/2025	BN/25/032	Phí QLTK tháng 5			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	11.000	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		11.000

Bảng 2.22 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

02/06/2025	02/06/2025	PC/25/040	Chi tiền cước viễn thông theo HD 11878407			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	163.636	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	16.364	
			Tiền mặt	1111		180.000
02/06/2025	02/06/2025	PC/25/041	Chi tiền cước viễn thông theo HD 11940378			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	363.636	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	36.364	
			Tiền mặt	1111		400.000
02/06/2025	02/06/2025	PKT/25/019	Chiết khấu bảo vệ giá hàng tồn kho HD 2674			
			Phải trả cho người bán	331	2.250.000	
			Thu nhập khác	711		2.045.455
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331		204.545
03/06/2025	03/06/2025	PT/25/012	Bán hàng theo HD 22			
			Tiền mặt	1111	756.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		700.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		56.000
03/06/2025	03/06/2025	PT/25/013	Bán hàng theo HD 23			
			Tiền mặt	1111	4.620.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		4.200.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		420.000
03/06/2025	03/06/2025	PXK/25/021	Bán hàng theo HD 22			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	672.727	
			Hàng hoá	156		672.727
03/06/2025	03/06/2025	PXK/25/022	Bán hàng theo HD 23			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	3.727.273	
			Hàng hoá	156		3.727.273
04/06/2025	04/06/2025	BN/25/033	Phí duy trì SMS tháng 5			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	55.000	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		55.000
04/06/2025	04/06/2025	PC/25/042	Nhập mua hàng hóa theo HD 4480			
			Hàng hoá	156	6.181.818	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	618.182	
			Tiền mặt	1111		6.800.000
06/06/2025	06/06/2025	PT/25/014	Bán hàng theo HD 24			
			Tiền mặt	1111	4.180.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		3.800.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		380.000

Bảng 2.23 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

06/10/2025	06/10/2025	PC/25/061	Nhập mua hàng hóa theo HD 5660			
			Hàng hoá	156	1.796.298	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	143.704	
			Tiền mặt	1111		1.940.002
06/10/2025	06/10/2025	PXK/25/044	Bán hàng theo HD 15			
			Phải thu của khách hàng	131	146.640.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		135.777.778
			Thuế GTGT đầu ra	33311		10.862.222
			Giá vốn của hàng hóa	6321	114.884.622	
			Hàng hoá	156		114.884.622
07/10/2025	07/10/2025	PT/25/023	Bán hàng theo HD 16			
			Tiền mặt	1111	1.620.000	
			Doanh thu bán hàng hoá	5111		1.500.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		120.000
07/10/2025	07/10/2025	PXK/25/045	Bán hàng theo HD 16			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	1.340.000	
			Hàng hoá	156		1.340.000
09/10/2025	09/10/2025	PN/25/064	Nhập mua hàng hóa theo HD 2372			
			Hàng hoá	156	5.407.407	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	432.593	
			Phải trả cho người bán	331		5.840.000
13/10/2025	13/10/2025	BC/25/060	Khách hàng thanh toán tiền			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	146.640.000	
			Phải thu của khách hàng	131		146.640.000
13/10/2025	13/10/2025	BN/25/074	Rút tiền gửi nhập quỹ			
			Tiền mặt	1111	146.600.000	
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK		146.600.000
15/10/2025	15/10/2025	PN/25/065	Nhập mua hàng hóa theo HD			
			Hàng hoá	156	44.129.630	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	3.530.370	
			Phải trả cho người bán	331		47.660.000
22/10/2025	22/10/2025	PN/25/066	Nhập mua hàng hóa theo HD			
			Hàng hoá	156	3.453.704	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	276.296	
			Phải trả cho người bán	331		3.730.000
25/10/2025	25/10/2025	BC/25/061	Lãi tiền gửi			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	386	
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		386
25/10/2025	25/10/2025	BN/25/075	Phí QLTK tháng 10			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	10.000	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	1.000	
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK		11.000

Bảng 2.24 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

01/11/2025	01/11/2025	PXK/25/047	Bán hàng theo HD 18			
			Giá vốn của hàng hóa	6321	1.203.703	
			Hàng hoá	156		1.203.703
02/11/2025	02/11/2025	BN/25/084	Chi tiền gói SME online			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	24.700	
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK		24.700
02/11/2025	02/11/2025	PC/25/064	Chi tiền cước viễn thông theo HD 1459731			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	163.636	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	16.364	
			Tiền mặt	1111		180.000
03/11/2025	03/11/2025	PN/25/067	Nhập mua hàng hóa theo HD			
			Hàng hoá	156	25.601.852	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	2.048.148	
			Phải trả cho người bán	331		27.650.000
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	30/11/2025	BC/25/073	Lãi tiền gửi			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	11211-AGRIBANK	3.642	
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		3.642
30/11/2025	30/11/2025	PB/25/011				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	403.079	
			Chi phí trả trước dài hạn	242		403.079
30/11/2025	30/11/2025	PC/25/067	Tạm chi lương tháng 11			
			Phải trả người lao động	334	2.992.500	
			Tiền mặt	1111		2.992.500
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/038	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.935.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		1.575.000
			Bảo hiểm y tế	3384		270.000
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		90.000
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/039	Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lương NLD 11			
			Phải trả người lao động	334	945.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		720.000
			Bảo hiểm y tế	3384		135.000
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		90.000
30/11/2025	30/11/2025	PKT/25/040	Tính lương tháng 11			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	9.297.000	
			Chi phí bán hàng	6421	5.088.000	
			Phải trả người lao động	334		14.385.000
01/12/2025	01/12/2025	BC/25/074	Khách hàng tạm ứng tiền			
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK	6.700.000	
			Phải thu của khách hàng	131		6.700.000
02/12/2025	02/12/2025	BN/25/095	Rút tiền gửi nhập quỹ			

Bảng 2.25 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

31/12/2025	31/12/2025	BN/25/109	Thanh toán tiền lương			
			Phải trả người lao động	334	8.500.000	
			Tiền gửi ngân hàng	11212-VIETCOMBANK		8.500.000
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/001	Kết chuyển doanh thu			
			Doanh thu bán hàng hoá	5111	1.145.947.787	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.145.947.787
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/002	Kết chuyển giá vốn hàng bán			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	949.069.563	
			Giá vốn của hàng hóa	6321		949.069.563
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/003	Chi phí quản lý kinh doanh			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	178.127.979	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		164.809.979
			Chi phí bán hàng	6421		13.318.000
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/004	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154	15.345	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		15.345
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/005	Kết chuyển thu nhập khác			
			Thu nhập khác	711	2.045.455	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		2.045.455
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/006	Kết chuyển chi phí khác			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	134.645	
			Chi phí khác	811		134.645
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/007	Kết chuyển thuế TNDN			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	3.421.657	
			Chi phí thuế thu nhập doanh	821		3.421.657
31/12/2025	31/12/2025	KC/25/008	Kết chuyển lãi, lỗ			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	17.254.743	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		17.254.743
31/12/2025	31/12/2025	PB/25/012				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	403.079	
			Chi phí trả trước dài hạn	242		403.079
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/041	Kết chuyển thuế GTGT Q4			
			Thuế GTGT đầu ra	33311	25.557.950	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331		25.557.950
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/042	Chi phí BHXH, BHYT, BHTN DN doanh nghiệp phải đóng			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.935.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		1.575.000
			Bảo hiểm y tế	3384		270.000
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		90.000
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/043	Trích BHXH, BHYT, BHTN từ lương NLD 12			
			Phải trả người lao động	334	945.000	
			Bảo hiểm xã hội	3383		720.000
			Bảo hiểm y tế	3384		135.000
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		90.000
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/044	Tính lương tháng 12			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	11.440.000	
			Chi phí bán hàng	6421	4.750.000	
			Phải trả người lao động	334		16.190.000
31/12/2025	31/12/2025	PKT/25/045	Thuế TNDN phải nộp năm			
			Chi phí thuế thu nhập doanh	821	3.421.657	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		3.421.657
			Tổng cộng		11.177.058.221	11.177.058.221

Bảng 2.26 Trích từ sổ nhật ký chung từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÁT TUẤN ĐẠT.

3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

3.1.1. Ưu điểm của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

+ **Về nhân viên kế toán của công ty:** Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt có kế toán nhiệt tình, tâm huyết và có đạo đức với nghề, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và năng động với công việc đặc biệt là rất tận tình và hòa đồng và giúp đỡ sinh viên thực tập trong những bước đầu chập chững bước vào nghề, tạo điều kiện giúp sinh viên được vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nhân viên kế toán có chuyên môn nghiệp vụ vững chắc, thích nghi và nắm bắt nhanh với công việc.

+ **Về hạch toán ban đầu:** Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu của Bộ Tài Chính quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi chép một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời vào sổ sách kế toán. Các chứng từ đều có xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ sách kế toán sau này.

+ **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Các tài khoản công ty sử dụng phù hợp với chế độ kế toán hiện hành theo quy định của Bộ tài chính, hệ thống tài khoản được lập đầy đủ.

+ **Về hình thức kế toán:** Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức “ Nhật ký chung”, đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi và dễ áp dụng. Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và sổ chi tiết để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ **Về ứng dụng công nghệ thông tin:** Công ty sử dụng phần mềm kế toán 3TSoft, giúp tự động hóa quá trình hạch toán, giảm sai sót và tiết kiệm thời gian, Phần mềm kế toán 3TSOFT theo thông tư 133, giúp cho khối lượng công việc của kế toán được giảm nhẹ và xử lý số liệu được chính xác, dễ theo dõi hơn. Áp dụng hóa đơn điện tử (VIN-HOADON), phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và quy định của cơ quan thuế. Dữ liệu kế toán được cập nhật kịp thời vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ chi tiết, phục vụ tốt cho công tác quản lý và báo cáo.

3.1.2. Nhược điểm của Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

Bên cạnh những mặt ưu điểm trong tổ chức công tác kế toán thì Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như sau:

+ **Sổ sách kế toán:** Theo dõi thuế GTGT, mặc dù trên phần mềm kế toán đã có phần kết xuất ra bảng kê hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào, hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra nhưng kế toán không tận dụng mà tự nhập tay từng hóa đơn GTGT lên Excel để theo dõi, như vậy sẽ tốn nhiều thời gian và công sức của kế toán.

- Đối với mua hàng được nhận chiết khấu từ người bán, công ty đưa khoản nhận chiết khấu vào TK 711 là không đúng, vi phạm nguyên tắc phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ kế toán:

+ Khoản chiết khấu bảo vệ hàng tồn kho về bản chất là khoản điều chỉnh làm giảm giá trị hàng tồn kho hoặc giảm giá vốn hàng bán (nếu đã bán hàng). Do đó, khoản này không được ghi nhận vào TK 711 – Thu nhập khác.

+ Vì không đáp ứng bản chất của một khoản thu nhập khác theo quy định kế toán hiện hành.

+ TK 711 (Thu nhập khác) chỉ dùng để phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường (ví dụ: thanh lý tài sản, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, v.v.). Khoản chiết khấu bảo vệ hàng tồn kho liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán cốt lõi của doanh nghiệp, do đó phải dùng để bù đắp chi phí mua hoặc giá vốn hàng bán.

+ Ảnh hưởng đến BCTC

Thực tế:

Chiết khấu làm giảm chi phí mua hàng -> Cần ghi giảm giá vốn hàng hóa TK 632 Ghi sai vào TK 711

- Giá vốn bị ghi cao hơn thực tế

- Ngày 31/03/2025 Công ty mua phần mềm sử dụng F CHAT để phục vụ cho việc bán hàng online tự động chat với khách hàng, khi mua xong kế toán hạch toán hết chi phí mua hàng vào TK 6421 – Chi phí bán hàng .

+ Việc hạch toán này chưa phù hợp với nguyên tắc kế toán.

- + Ảnh hưởng đến chi phí bán hàng tăng lên
- + Chưa phản ánh đúng nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng phần mềm kế toán:

+ Công ty cần tiếp tục khai thác tối đa các tính năng của phần mềm kế toán 3TSoft nhằm phục vụ hiệu quả không chỉ cho công tác hạch toán kế toán mà còn hỗ trợ công tác quản lý, kiểm soát và cung cấp thông tin phục vụ quá trình ra quyết định của nhà quản trị. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên thực hiện việc sao lưu dữ liệu kế toán định kỳ, xây dựng các biện pháp bảo mật phù hợp để đảm bảo an toàn thông tin và hạn chế tối đa các rủi ro liên quan đến mất mát hoặc thất thoát dữ liệu.

+ Ngoài ra, công ty cần quan tâm hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán, đặc biệt là kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán và khả năng cập nhật các quy định mới về kế toán, thuế.

+ Việc ứng dụng hiệu quả phần mềm kế toán kết hợp với trình độ nghiệp vụ vững vàng của nhân viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán, tăng hiệu quả quản lý tài chính và đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của doanh nghiệp trong thời gian tới.

- Giải pháp hoàn thiện công tác lưu trữ và cung cấp thông tin kế toán:

+ Đời sống hiện nay chuyển đổi số ngày càng được đẩy mạnh, công ty cần từng bước chuyển đổi từ hình thức lưu trữ chứng từ giấy sang lưu trữ chứng từ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu kế toán.

+ Việc lưu trữ chứng từ điện tử không chỉ giúp tiết kiệm không gian lưu trữ, giảm chi phí in ấn mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, đối chiếu và kiểm tra thông tin khi cần thiết. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống phân loại, sắp xếp và quản lý hồ sơ khoa học, đảm bảo chứng từ được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng và dễ dàng truy xuất, góp phần hạn chế tình trạng thất lạc hoặc sai sót thông tin.

+ Ngoài công tác lưu trữ, công ty cũng cần chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp thông tin kế toán phục vụ công tác quản trị. Kế toán nên thực hiện lập các báo cáo phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo định kỳ tháng, quý hoặc năm nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Thông qua các báo cáo này, nhà quản lý có thể đánh giá hiệu quả kinh doanh, nhận diện những tồn tại, hạn chế và đưa ra các quyết định điều hành phù hợp. Đồng thời, bộ phận kế toán cần phát huy hơn nữa vai trò là đơn vị cung cấp thông tin tài chính quan trọng trong doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin được cung cấp kịp thời, chính xác và

đáng tin cậy cho các bộ phận liên quan. Việc nâng cao chất lượng lưu trữ và cung cấp thông tin kế toán sẽ góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, hỗ trợ quá trình ra quyết định và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trong thời gian tới.

- Giải pháp hoàn thiện việc hạch toán khoản chiết khấu hàng tồn kho

+ Công ty cần xem xét lại phương pháp hạch toán đối với khoản chiết khấu bảo vệ hàng tồn kho nhằm đảm bảo phản ánh đúng bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh. Theo đó, khoản chiết khấu bảo vệ hàng tồn kho thực chất là khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp làm giảm giá trị hàng hóa hoặc giảm giá vốn hàng bán, do đó không nên ghi nhận vào TK 711 – Thu nhập khác.

+ Đối với hàng hóa còn tồn kho, khoản chiết khấu này cần được hạch toán giảm giá trị hàng tồn kho đối với hàng hóa đã tiêu thụ, cần hạch toán giảm giá vốn hàng bán. Việc hạch toán đúng tài khoản sẽ giúp thông tin trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng công tác kế toán và đáp ứng yêu cầu của các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

- Giải pháp hoàn thiện việc hạch toán chi phí mua phần mềm

+ Công ty cần thực hiện hạch toán chi phí mua phần mềm vào TK 242 – Chi phí trả trước và tiến hành phân bổ dần vào chi phí bán hàng 12 tháng .

+ Bút toán đề xuất

Khi mua phần mềm :

Nợ TK 242 3.480.000

 Có TK 111 3.480.000

Hàng tháng phân bổ

Nợ TK 6421 290.000

 Có TK 242 290.000

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập tại Công Ty TNHH Phát Tuấn Đạt em nhận thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu ghi nhận và phản ánh kết quả kinh doanh đúng theo quy định hiện hành, cụ thể:

Doanh thu được ghi nhận đầy đủ, đúng thời điểm và phù hợp với nguyên tắc kế toán. Chi phí được tập hợp tương đối đầy đủ, tuy nhiên một số khoản vẫn còn phân loại chưa chính xác làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh theo từng kỳ. Việc xác định kết quả kinh doanh thực hiện theo đúng quy trình, tuy nhiên một số sai sót trong việc ghi nhận chiết khấu thương mại trình bày chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động của doanh nghiệp. Việc tổ chức kế toán đúng bản chất doanh thu và chi phí là yếu tố then chốt để xác định chính xác kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

Ngoài ra, em nhận thấy kế toán doanh thu, chi phí là một công cụ không thể thiếu trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế của một doanh nghiệp. Nó là bộ phận cung cấp thông tin về công tác bán hàng và kết quả tiêu thụ, giúp nhà quản lý đánh giá được các điểm mạnh trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng là vấn đề cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào.

Và Công ty sử dụng phần mềm kế toán 3TSOFT theo thông tư 133, phần mềm này rất dễ sử dụng, không quá phức tạp phù hợp với doanh nghiệp như công ty TNHH Phát Tuấn Đạt. Phần mềm kế toán 3TSOFT theo thông tư 133, giúp cho khối lượng công việc của kế toán được giảm nhẹ và xử lý số liệu được chính xác, dễ theo dõi hơn.

Bài báo cáo tốt nghiệp là kết quả nỗ lực học tập và tìm hiểu thực tế của em. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn, bài làm khó tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô và đơn vị thực tập để hoàn thiện hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính
2. Tài liệu sổ sách liên quan đến phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát Tuấn Đạt.
3. Các bài khóa luận tốt nghiệp trên thư viện trường.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi : Dương Thị Quỳnh Anh cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

Gemini, chat GPT.....

.....

.....

- Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):**

Tìm ý tưởng.....

.....

.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

Tìm mục lục, giải pháp.....
.....
.....
.....
.....

• Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

○ ☒ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____ 01/06/2026 _____